

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CẦN THƠ VÀ CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CẦN THƠ KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG CẦN THƠ

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CẦN THƠ



Địa chỉ: 2KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại: 07106 516 483 Fax: 07103 917 395

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3821 7713 Fax: 08.3821 7452

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN HÀ NỘI



Trụ sở chính: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04.3818 1888 Fax: 04.3818 1688

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3 525 777 Fax: 0511.3 523 779

Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, 236-238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.3 915 1368 Fax: 08.3 915 1369

Tháng 11 năm 2014

MỤC LỤC

| | | |
|------|--|----|
| I. | CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN..... | 3 |
| II. | CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH..... | 3 |
| III. | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN | 5 |
| IV. | THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU | 5 |
| 1. | Tổ chức phát hành | 5 |
| 2. | Cổ phần chào bán đấu giá..... | 6 |
| 3. | Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần | 7 |
| 4. | Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc..... | 8 |
| 5. | Tổ chức tư vấn:..... | 9 |
| V. | THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA..... | 10 |
| 1. | Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa..... | 10 |
| 2. | Ngành nghề sản xuất kinh doanh..... | 11 |
| 3. | Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty | 12 |
| 4. | Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu..... | 16 |
| 5. | Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần | 16 |
| 6. | Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 01/01/2014..... | 17 |
| 7. | Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp..... | 19 |
| 8. | Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh liên kết, đơn vị trực thuộc..... | 23 |
| 9. | Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa | 24 |
| 10. | Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 42 |
| VI. | PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ | 45 |
| 1. | Mục tiêu cổ phần hóa | 45 |
| 2. | Yêu cầu cổ phần hóa | 45 |
| 3. | Hình thức cổ phần hóa..... | 45 |
| 4. | Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh | 45 |
| 5. | Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần | 47 |
| 6. | Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá..... | 49 |
| 7. | Các giải pháp thực hiện | 52 |

| | |
|--|----|
| 8. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần | 55 |
| VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN | 56 |
| VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ | 58 |
| IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 59 |
| 1. Rủi ro về nền kinh tế | 59 |
| 2. Rủi ro lãi suất | 60 |
| 3. Rủi ro về luật pháp | 60 |
| 4. Rủi ro đặc thù | 60 |
| 5. Rủi ro của đợt chào bán | 61 |
| 6. Các rủi ro khác | 61 |
| X. THAY LỜI KẾT | 62 |

I. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

- Công ty : Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ
- Doanh nghiệp cổ phần hóa : Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ
- BGTVT : Bộ Giao thông vận tải
- HĐTV : Hội đồng thành viên
- VINALINES : Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
- SHS : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- Tổ chức tư vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

- Căn cứ vào Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần.
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015;
- Công văn số 2342/TTg-ĐMDN ngày 21/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015;
- Nghị quyết số 749/NQ-HHVN ngày 19/3/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về kế hoạch thực hiện cổ phần hóa Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- Nghị quyết số 1310/NQ-HHVN ngày 24/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt Kế hoạch tiến độ cổ phần hóa Cảng Cần Thơ;

- Nghị quyết số 2550/NQ-HHVN ngày 17/7/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc lựa chọn tổ chức tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ;
- Nghị quyết số 3218/NQ-HHVN ngày 12/9/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ;
- Nghị quyết số 3881/NQ-HHVN ngày 07/11/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc điều chỉnh tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ;
- Quyết định số 76/QĐ-HHVN ngày 25/3/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ;
- Quyết định số 120/QĐ-HHVN ngày 08/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ;
- Quyết định số 100/QĐ-HHVN ngày 28/3/2014 của Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ;
- Quyết định số 477/QĐ-HHVN ngày 04/9/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ;
- Quyết định số 574/QĐ-HHVN ngày 09/10/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ;
- Quyết định 540/QĐ-HHVN ngày 26/9/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc giao toàn bộ Dự án đầu tư xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn II cho Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ quản lý và khai thác;
- Căn cứ Quyết định 652/QĐ-HHVN ngày 28/11/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ thành công ty cổ phần;
- Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31/10/2013 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 20/05/2014.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2013 và cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014 của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ .
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá:

- Ông Nguyễn Đình Thanh

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Trưởng ban

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hoá và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hoá thông qua.

2. Doanh nghiệp cổ phần hoá: CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CẦN THƠ

- Ông Phan Thành Tiến

Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty

- Ông Lâm Trúc Sơn

Chức vụ: Phụ trách Kế toán

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

- Bà Phạm Thị Thanh Nhân

Chức vụ: Phó Giám đốc Điều hành CN TP.HCM

(Theo Giấy ủy quyền số 01/2014/UQ-GĐ ngày 09/07/2014 của Giám đốc CN TPHCM - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ cung cấp.

IV. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. Tổ chức phát hành

- Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ
- Địa chỉ : 2 KV Phú Thắng, P.Tân Phú, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
- Điện thoại : 07106 516 483

- Fax : 07103 917 395
- Vốn điều lệ Công ty cổ phần : 284.800.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần : 28.480.000 cổ phần

Trong đó

- ❖ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) : **14.524.800** cổ phần, chiếm **51,0%** vốn điều lệ
- ❖ Người lao động : **314.700** cổ phần, chiếm **1,10%** vốn điều lệ
- ❖ Các nhà đầu tư qua đấu giá : **13.640.500** cổ phần, chiếm **47,9 %** vốn điều lệ

2. Cổ phần chào bán đấu giá

- Số lượng cổ phần chào bán đấu giá : **13.640.500** cổ phần, bằng **47,9%** vốn điều lệ
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- Hình thức chào bán : Chào bán cổ phần lần đầu của Doanh nghiệp
: 100% vốn Nhà nước cổ phần hoá theo phương
thức đấu giá qua tổ chức trung gian
- Phương thức đấu giá : Đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành
phố Hồ Chí Minh
- Giá khởi điểm bán đấu giá : **10.100** đồng/cổ phần
- Đặt cọc : Bằng **10%** giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua
tính theo giá khởi điểm
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư
được đăng ký mua tối thiểu : **100** cổ phần
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư
được đăng ký mua tối đa : **13.640.500** cổ phần

3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần

3.1 Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá:

Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

3.2 Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự đấu giá, nộp tiền cọc và nhận phiếu đấu giá:


Theo thời gian được ghi tại Quy chế đấu giá.

3.3 Điều kiện đăng ký tham dự đấu giá


- (1) Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu và nộp đúng thời hạn theo quy định.
- (2) Nộp đủ tiền đặt cọc là 10% tổng giá trị cổ phần đăng ký tính theo giá khởi điểm trong thời hạn đăng ký như quy định.
- (3) Đảm bảo đủ điều kiện tham gia đầu tư, đấu giá mua cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển Công ty 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- (4) Có các giấy tờ liên quan khác:

 *Đối với cá nhân trong nước:*

- Xuất trình CMND, giấy tờ tùy thân hợp lệ để tiến hành đối chiếu.
- kê khai địa chỉ cụ thể, chính xác và rõ ràng.

 *Đối với tổ chức trong nước:*

- Nếu người Đại diện theo pháp luật không đăng ký trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ do người Đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền cho người đăng ký tham dự. Người được ủy quyền phải mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khi đăng ký tham dự đấu giá.
- Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức đó (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định thành lập...)

 *Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài:*

- Bản sao Hộ chiếu/CMND (trường hợp ủy quyền đấu giá cho người Việt Nam).
- Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu có).
- Xuất trình giấy mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động

trên lãnh thổ Việt Nam.

- Đối với tổ chức: Ngoài các hồ sơ trên, cần có thêm Bản sao được chứng thực, công chứng hợp lệ văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập...), Công văn ủy quyền hợp lệ cho người đại diện tổ chức đó tham dự đấu giá (trong trường hợp đây không phải là người đại diện pháp lý của tổ chức đó).

3.4 Quy định về nộp tiền đặt cọc và tiền mua cổ phần:

Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt tại các địa điểm đăng ký tham dự đấu giá hoặc chuyển khoản vào các tài khoản của các đại lý đấu giá được công bố trong quy chế đấu giá.

3.5 Giới hạn về số lượng cổ phần đăng ký tham dự đấu giá:

- **Đối với nhà đầu tư trong nước:** Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu **100** cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là **13.640.500** cổ phần.
- **Đối với nhà đầu tư nước ngoài:** Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu **100** cổ phần và tối đa bằng tổng số lượng cổ phần chào bán là **13.640.500** cổ phần.

4. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

❖ Thời gian tổ chức buổi đấu giá:

Theo thời gian được quy định tại **Quy chế đấu giá**.

❖ Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08.3821 7713 Fax: 08.3821 7452

❖ Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần: Nhà đầu tư có thể nộp tiền mặt tại các địa điểm đăng ký tham dự đấu giá hoặc chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng được công bố trong quy chế đấu giá.
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Địa điểm: Tại các địa điểm đã đăng ký tham dự đấu giá.

5. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 - TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Số điện thoại: 04.3818 1888 Fax: 04.3818 1688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Số điện thoại: 0511.3525 777 Fax: 0511.3523 779

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Số điện thoại: 08.3915 1368 Fax: 08.3915 1369

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa

- **Thông tin khái quát**

- Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ**
- Địa chỉ: Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Điện thoại: 07106.516.483
- Fax: 07103.917.395
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty: Số 1801319907 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31/10/2013, thay đổi lần 2 ngày 20/05/2014.

- **Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ được thành lập trên cơ sở sáp nhập Cảng Cần Thơ (nay là Cảng Hoàng Diệu) vào Cảng Cui theo Quyết định số 289/QĐ-HHVN ngày 19/06/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

Về Cảng Cần Thơ (Cảng Hoàng Diệu):

- Cảng Cần Thơ được hình thành trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng Cảng quân sự thuộc Tiểu đoàn 805, Trung đoàn 659, Quân khu 9 vào tháng 6 năm 1980, trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang;
- Ngày 29 tháng 8 năm 1980, Cảng Cần Thơ trực thuộc Ty Giao thông vận tải Hậu Giang theo Quyết định số 390/QĐ-UBT.80 ngày 29/8/1980 của UBND tỉnh Hậu Giang (Ngày này đã được chọn để kỷ niệm ngày thành lập cảng);
- Tháng 7/1984, Cảng trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang (Quyết định số 104/QĐ-UBT.84 ngày 30/7/1984 chuyển Cảng Cần Thơ về trực thuộc UBND Tỉnh Hậu Giang (nay là TP Cần Thơ) quản lý và chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Bộ GTVT);
- Tháng 01/1990, Cảng Cần Thơ được chuyển về trực thuộc Ty Giao thông Vận tải Hậu Giang theo Quyết định số 16/QĐ-UBT.90 ngày 10/01/1990;
- Tháng 11/1992, Cảng được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Cần Thơ theo Quyết định số 1393/QĐ.UBT.92 ngày 28/11/1992 của UBND tỉnh Cần Thơ;
- Tháng 9/1993, Cảng Cần Thơ là Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Cục HHVN theo Quyết định số 1828/KH-ĐT ngày 17/9/1993 của Bộ GTVT;
- Tháng 5/1998, Cảng là Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 91/1998/QĐ.TTg ngày 08/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ;

- Tháng 7/2002, theo Quyết định số 2334/2002/QĐ-BGTVT ngày 26/7/2002 của Bộ trưởng Bộ GTVT và Quyết định số 631/QĐ-HĐQT ngày 30/7/2002 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Cảng Cần Thơ được tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Cảng Sài Gòn;
- Tháng 11/2006, tách chuyển nguyên trạng Cảng Cần Thơ – đơn vị trực thuộc Cảng Sài Gòn về làm đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1045/QĐ-HĐQT ngày 16/11/2006 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

Về Cảng Cái Cui:

- Cảng Cái Cui được thành lập vào ngày 06/6/2006 theo Quyết định 1434/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ.
- Ngày 16/8/2007, Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao Cảng Cái Cui về Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1050/QĐ-TTg.

2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

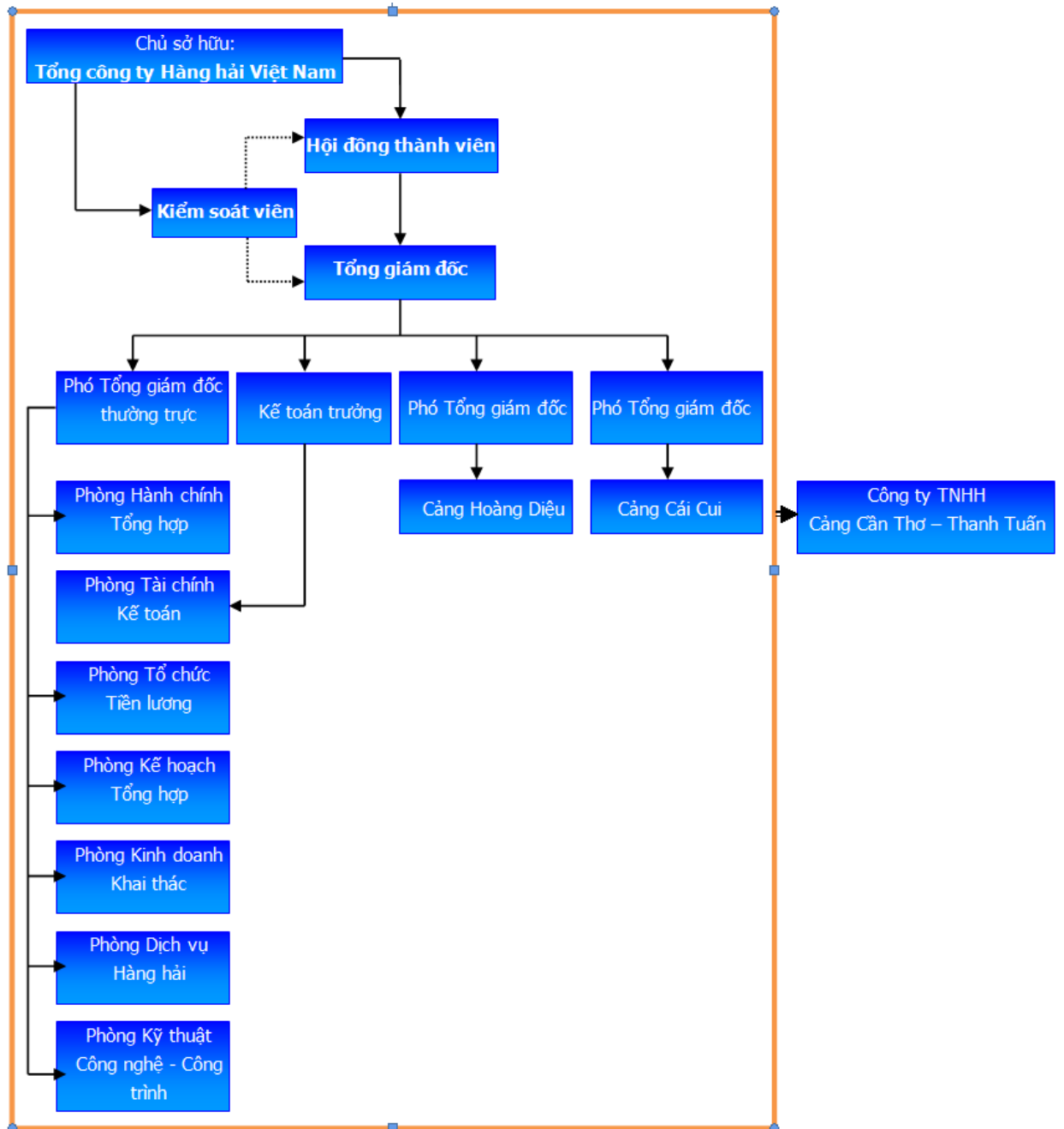
Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1801319907 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31/10/2013, thay đổi lần 2 ngày 25/05/2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|--------------|
| 1 | Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ; bốc xếp hàng hóa Cảng biển | 5224 (chính) |
| 2 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan); Kho bãi lưu giữ hàng hóa trong kho khác. | 5210 |
| 3 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa | 5222 |
| 4 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan | 5229 |
| 5 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 |
| 6 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 |
| 7 | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4730 |
| 8 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 9 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 10 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 11 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và | 7830 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|--|
| | quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (Hoạt động phải đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | |
| 12 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621 |
| 13 | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề | 9321 |
| 14 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 15 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ | 5221 |
| 16 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ bằng xe tải, xe container | 4933 |
| 17 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |
| 18 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | 5012 |
| 19 | Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 20 | (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên, chủ sở hữu là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát, điều hành gồm Hội đồng thành viên, các Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, bộ máy giúp việc và các chi nhánh.



Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu mà chủ sở hữu giao theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty; thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty do Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ và đối với phần vốn góp của Công ty ở các doanh nghiệp khác.

Kiểm soát viên có nhiệm vụ giúp chủ sở hữu kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty của Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc: là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chỉ đạo và giải quyết mọi mặt: tài chính – kế toán, tổ chức - nhân sự, công tác đối

ngoại, kế hoạch, đầu tư và phát triển, kiểm tra... của Công ty Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng giám đốc: Trợ giúp Tổng giám đốc Công ty trong công tác điều hành hoạt động của Công ty.

Phòng Tài chính Kế toán

Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính, quản lý sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn trong phạm vi quản lý của Công ty.

Thừa lệnh Tổng giám đốc đề hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ của Nhà nước và Chủ sở hữu trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán.

Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác tổ chức kế toán phù hợp với các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty theo nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý, không ngừng cải tiến tổ chức bộ máy và công tác kế toán.

Phòng Tổ chức Tiền lương

Tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về xây dựng, sắp xếp, tổ chức bộ máy quản lý, điều hành của Công ty và các đơn vị trực thuộc trong từng thời kỳ cho phù hợp với chính sách đổi mới của Nhà nước và định hướng phát triển của Công ty; công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công tác quản lý lao động, tiền lương của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Tham mưu, giúp Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Tham mưu cho Hội đồng thành viên trong công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nắm tình hình, phản ánh và đề xuất ý kiến cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về việc chấp hành chủ trương, đường lối chính sách Đảng và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Công ty.

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ - Công trình

Tham mưu cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất, trong nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào các dự án đầu tư mua sắm và trong việc sử dụng khai thác phương tiện, thiết bị xếp dỡ, cơ khí; Thực hiện công tác đảm bảo an toàn lao động của Công ty.

Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác quản lý và giám sát kỹ thuật, chất lượng; Công tác quản lý Vật tư, thiết bị; Công tác soát xét, lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công kiểm định chất lượng thi công, chất lượng công trình.

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong công tác đảm bảo an toàn lao động bao gồm: kỹ thuật an toàn, huấn luyện bảo hộ lao động, trang bị phòng hộ lao động. Kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn và các mặt hoạt động về kỹ thuật an toàn cho các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn phù hợp. Thực hiện công tác phòng chống lụt bão, công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Phòng Kinh doanh Khai thác

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và thống kê (bao gồm công tác xây dựng giá cước dịch vụ, công tác thương vụ; công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng ..); công tác tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác.

Phòng Kế hoạch Tổng hợp

Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về các dự án đầu tư; quản lý đầu tư xây dựng của Công ty; Công tác đối ngoại của Công ty; Xây dựng kế hoạch quản lý đất đai, công trình xây dựng, vật kiến trúc, quản lý hồ sơ dự án, quản lý giám sát xây dựng công trình.

Phòng Hành chính Tổng hợp

Thực hiện chức năng quản trị hành chính văn phòng, phục vụ lễ tân, công tác thi đua khen thưởng, tuyên truyền cổ động và một số công tác khác do Tổng giám đốc giao. Hướng dẫn công tác chuyên môn về soạn thảo văn bản và công tác văn thư lưu trữ tại các đơn vị trực thuộc. Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức, triển khai và quản lý việc thực hiện các dự án trang bị mới thiết bị tin học cho các đơn vị trực thuộc Công ty, hướng dẫn chuyên môn cho bộ phận công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Công ty.

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong công tác vệ sinh lao động, y tế cơ quan, tuyên truyền, giáo dục cho người lao động. Quản lý sức khỏe người lao động của Công ty và tổ chức thực hiện các nội dung của y tế cơ quan. Kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn và các mặt hoạt động về vệ sinh lao động, công tác y tế cho các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

Phòng Dịch vụ Hàng hải

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về công tác Nghiên cứu Khai thác các dịch vụ hàng hải & logistics, tiếp cận các khách hàng trong và ngoài nước nhằm thương thảo cung ứng sản phẩm dịch vụ hàng hải cho tàu biển & chủ hàng các cảng trong khu vực. Liên hệ, giao dịch làm đại lý cho các hãng tàu, hãng container (cung cấp nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, tàu lai, đồ rác ...

4. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng biển, các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp vận tải
- Dịch vụ lưu kho bãi
- Hoạt động cung ứng xăng dầu
- Hoạt động kinh doanh khác

5. Tình hình lao động chuyển sang công ty cổ phần

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (09/10/2014) là: **212 người**, phân loại như sau:

| Tiêu chí | Lao động | |
|---|------------|------------|
| | Số người | Tỷ lệ (%) |
| Phân theo trình độ lao động | 212 | 100 |
| 1. Trình độ trên đại học và đại học | 81 | 38,21 |
| 2. Trình độ cao đẳng | 6 | 2,83 |
| 3. Trình độ trung cấp | 14 | 6,60 |
| 4. Công nhân kỹ thuật | 49 | 23,11 |
| 5. Khác | 62 | 29,25 |
| Phân theo loại hợp đồng lao động | 212 | 100 |
| 1. Không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động | 09 | 4,20 |
| 2. HĐLĐ có thời hạn từ 01 đến 03 năm | 39 | 77,40 |
| 3. HĐLĐ không xác định thời hạn | 164 | 18,40 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất của các năm sau cổ phần, Công ty triển khai sắp xếp lại lao động cho phù hợp với yêu cầu của sản xuất kinh doanh và sự phát triển lâu dài. Trên cơ sở đánh giá về năng lực công tác, điều kiện hưu trí và sức khỏe người lao động, Công ty sắp xếp giải quyết chế độ cho 01 lao động đến tuổi nghỉ hưu và 03 lao động dôi dư theo chế độ hiện hành. Do đó, cơ cấu lao động chuyển sang Công ty cổ phần như sau:

| Loại lao động | Lao động | |
|-------------------------------------|------------|------------|
| | Số người | Tỷ lệ (%) |
| 1. Trình độ đại học và trên đại học | 81 | 38,94 |
| 2. Trình độ đại học | 6 | 2,88 |
| 3. Trình độ cao đẳng, trung cấp | 14 | 6,73 |
| 4. Công nhân kỹ thuật | 46 | 22,12 |
| 5. Trình độ khác | 61 | 29,33 |
| Tổng cộng | 208 | 100 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

6. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 01/01/2014

Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-HHVN ngày 09/10/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2014 như sau:

- Giá trị thực tế Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2014 là **402.945.780.918 đồng** (Bốn trăm lẻ hai tỷ, chín trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, chín trăm mười tám đồng).
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2014 là **284.813.128.155 đồng** (Hai trăm tám mươi tư tỷ, tám trăm mười ba triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng)
- Trước thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013, Cảng Cần Thơ hoàn thành việc đối chiếu công nợ phải thu, phải trả. Phối hợp với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và các cơ quan có liên quan để thực hiện quyết toán Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2 và xử lý các vấn đề khác có liên quan đến xác định giá trị doanh nghiệp.

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2014

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Kết quả xác định |
|---|------------------------|
| A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV) | 402.945.780.918 |
| I. TSCĐ và đầu tư dài hạn | 364.227.268.107 |
| 1. Tài sản cố định | 289.994.458.910 |
| a. TSCĐ hữu hình | 284.103.128.496 |
| b. TSCĐ vô hình | 5.891.330.414 |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 4.497.251.573 |
| 3. Chi phí XDCB dở dang | 66.808.767.786 |
| 4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn | 0 |
| 5. Chi phí trả trước dài hạn | 2.203.123.638 |

| Chỉ tiêu | Kết quả xác định |
|--|------------------------|
| 6. Các khoản phải thu dài hạn | 723.666.200 |
| II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn | 38.500.771.541 |
| 1. Tiền: | 9.811.980.183 |
| + Tiền mặt tồn quỹ | 104.957.000 |
| + Tiền gửi ngân hàng | 6.508.445.031 |
| + Các khoản tương đương tiền | 3.198.578.152 |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 500.000.000 |
| 3. Các khoản phải thu | 25.053.112.710 |
| 4. Vật tư hàng hoá tồn kho | 478.824.183 |
| 5. TSLĐ khác | 2.316.051.388 |
| 6. Chi phí sự nghiệp | 0 |
| 7. Công cụ dụng cụ đã phân bổ hết giá trị còn sử dụng | 340.803.077 |
| III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp | 217.741.270 |
| IV. Giá trị quyền sử dụng đất | 0 |
| B. Tài sản không cần dùng | 0 |
| (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán) | |
| I. TSCĐ và đầu tư dài hạn | 0 |
| 1. TSCĐ | 0 |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 0 |
| 3. Chi phí XDCB dở dang | 0 |
| 4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn | 0 |
| II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn: | 0 |
| 1. Công nợ không có khả năng thu hồi | 0 |
| 2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất | |
| C. Tài sản chờ thanh lý | 0 |
| I. TSCĐ và đầu tư dài hạn | 0 |
| II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn: | 0 |
| D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng | 0 |
| TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D) | 402.945.780.918 |
| Trong đó: | |
| TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A) | 402.945.780.918 |
| E1. Nợ thực tế phải trả | |
| Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN: Không có | 118.132.652.763 |
| E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp | 0 |
| TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1+E2)] | 284.813.128.155 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

- **Đất đai:** Tổng diện tích đất đai Công ty đang sử dụng là 313.284,9 m² (tương đương 31.3 ha) trong đó:

| TT | Tên địa chỉ lô đất | Tổng diện tích lô đất (m ²) | Công trình trên đất | Hình thức sử dụng & Pháp lý | Thời gian giao cho thuê đất | Mục đích sử dụng đất hiện tại | Phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá |
|-------------------------------|---|---|------------------------------|---|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|
| I. Đất Cảng Hoàng Diệu | | | | | | | |
| 1 | Khu đất tại khu vực 3, đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. | 3.729,4 | Bãi hậu phương | <ul style="list-style-type: none"> - Thuê đất trả tiền hàng năm; - Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; | 50 năm từ năm 2009 | Làm bãi hậu phương Cảng Cần Thơ | Làm bãi hậu phương Cảng Cần Thơ |
| 2 | Khu đất tại số 27 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | 28.764,1 | Kho, bãi sản xuất kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> - Thuê đất trả tiền hàng năm; - Quyết định số 1786/QĐ.CTHC.97 ngày 22/7/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Quyết định số 2119/QĐ.UB ngày 21/6/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Hợp đồng thuê đất số 53/HĐTD ngày 11/10/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | 30 năm từ năm 1997 | Hoạt động kinh doanh | Hoạt động kinh doanh |
| 3 | Khu đất tại đường Lê Hồng Phong, phường | 29.342 | Nhà văn phòng, bãi | <ul style="list-style-type: none"> - Thuê đất trả tiền hàng năm; - Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/12/1999 | 42 năm 4 tháng từ | Hoạt động kinh doanh | Hoạt động kinh doanh |

| TT | Tên địa chỉ lô đất | Tổng diện tích lô đất (m ²) | Công trình trên đất | Hình thức sử dụng & Pháp lý | Thời gian giao cho thuê đất | Mục đích sử dụng đất hiện tại | Phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá |
|----|--|---|---------------------|--|-----------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| | Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | | chứa hàng | của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 07/9/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/8/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Hợp đồng thuê đất số 52/HĐTĐ ngày 11/10/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | năm 2007 | | |
| 4 | Khu đất tại Cạnh 129/03/19 đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | 48 | Bãi hậu phương | - Đất giao có thu tiền thuê đất; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 67 tờ bản đồ số 54 ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. | 50 năm từ năm 2009 | Hoạt động kinh doanh | Hoạt động kinh doanh |
| 5 | Khu đất mặt nước tại phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ | 6.000 | | - Thuê đất, mặt nước trả tiền thuê hàng năm; - Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Hợp đồng thuê đất số 104/HĐTĐ ngày 22/10/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | Thuê đất, mặt nước hàng năm | Thuê đất, mặt nước trả tiền hàng năm. | Thuê đất, mặt nước trả tiền hàng năm. |
| 6 | Khu đất tại Phường Trà An. Quận Bình Thủy. Thành phố Cần Thơ | 1.485,3 | | - Thuê đất, mặt nước trả tiền thuê hàng năm; - Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải | 20 năm | Thuê đất, mặt nước trả tiền hàng năm. | Thuê đất, mặt nước trả tiền hàng năm. |

| TT | Tên địa chỉ lô đất | Tổng diện tích lô đất (m ²) | Công trình trên đất | Hình thức sử dụng & Pháp lý | Thời gian giao cho thuê đất | Mục đích sử dụng đất hiện tại | Phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá |
|-----------------------------|--|---|------------------------------------|---|-----------------------------|--|--|
| | | | | Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ thuê đất, mặt nước để neo đậu các phương tiện thủy tại phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. - Hợp đồng thuê đất, mặt nước số 110/HĐTĐ-2013 ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | | | |
| II. Đất Cảng Cái Cui | | | | | | | |
| 7 | Khu đất tại số 02 KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ | 218.624 | Văn phòng trụ sở công ty, kho, bãi | - Thuê đất trả tiền hàng năm; - Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Hợp đồng thuê đất số 380/HĐTĐ ngày 24/9/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | 50 năm từ 2007 | Hoạt động kinh doanh khai thác cảng và cung ứng dịch vụ hàng hải | Hoạt động kinh doanh khai thác cảng và cung ứng dịch vụ hàng hải |
| 8 | Khu đất tại phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ | 25.292,1 | Văn phòng, nhà kho, bãi | - Thuê đất trả tiền hàng năm. - Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTĐ ngày 14/9/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | Thuê hàng năm từ 2012 | Mở rộng hoạt động Cảng Cái Cui | Mở rộng hoạt động Cảng Cái Cui |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

▪ **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2013**

Cảng Hoàng Diệu

| STT | Khoản mục | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (%) |
|-----|---------------------------------|------------------------|------------------------|--------------|
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 80.184.730.896 | 39.233.416.963 | 48,92 |
| 2 | Máy móc, thiết bị | 2.565.921.905 | 478.856.015 | 18,02 |
| 3 | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 37.765.127.483 | 14.513.386.581 | 38,43 |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 81.747.750 | 10.937.500 | 13,37 |
| 5 | Tài sản cố định khác | 139.038.827 | 51.223.642 | 36,84 |
| | Cộng | 120.736.566.861 | 54.287.820.701 | 44,96 |

Nguồn: BCTC KT 2013 Cảng Cần Thơ

Cảng Cái Cui

| STT | Khoản mục | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (%) |
|-----|---------------------------------|------------------------|------------------------|--------------|
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 96.005.029.743 | 76.652.838.024 | 79,84 |
| 2 | Máy móc, thiết bị | 1.796.280.429 | 1.338.672.135 | 74,52 |
| 3 | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 21.286.544.040 | 13.982.370.077 | 65,68 |
| | Cộng | 119.087.854.212 | 91.973.880.236 | 77,23 |

Nguồn: BCTC KT 2013 Cảng Cần Thơ

▪ **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 30/09/2014**

| STT | Khoản mục | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (%) |
|-----|---------------------------------|-----------------|------------------------|-------------|
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 176.189.760.639 | 109.850.204.971 | 62,35 |
| 2 | Máy móc, thiết bị | 4.362.202.334 | 1.590.993.434 | 36,47 |
| 3 | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 59.051.671.523 | 25.188.600.245 | 42,66 |

| STT | Khoản mục | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (%) |
|-----|----------------------|------------------------|------------------------|--------------|
| 4 | Thiết bị văn phòng | 81.747.750 | 8.125.000. | 9,94 |
| 5 | Tài sản cố định khác | 187.238.827 | 88.676.835 | 47,36 |
| | Cộng | 239.872.621.073 | 136.726.600.485 | 57,00 |

Nguồn: BCTC 09 tháng 2014 Cảng Cần Thơ

8. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh liên kết, đơn vị trực thuộc

▪ Công ty mẹ: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)

Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 35770825 ~ 30 Fax: (04) 3577 0850/60/31/73

Ngành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ đa phương thức;
- Khai thác cảng biển, cảng sông;
- Kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics, đại lý môi giới cung ứng dịch hàng hải, cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy
- Và các ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính

▪ Công ty con: Công ty không có công ty con

▪ Công ty liên doanh liên kết:

Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn

Địa chỉ: Hương lộ 81, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0743 852822, Fax: 0743 852585

Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, mã ngành chính 5022

▪ Các đơn vị trực thuộc:

| TT | Tên chi nhánh | Địa chỉ |
|----|---|--|
| 1 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui | 02 KV Phú Thắng, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ |
| 2 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu | 27 Lê Hồng Phong, P. Trà An, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ |

9. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

9.1. Tình hình hoạt động trước cổ phần hóa

9.1.1 Lĩnh vực kinh doanh

Các dịch vụ kinh doanh chính của Công ty hiện bao gồm bốn nhóm chính (i) Bốc xếp vận tải (ii) Cho thuê bến bãi và dịch vụ lưu kho bảo quản (iii) Cung ứng xăng dầu và (iv) Kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác .

(i) Hoạt động bốc xếp, vận tải

Hoạt động bốc xếp vận tải là hoạt động chính, mang về nguồn thu lớn cho Công ty qua các năm. Hoạt động bốc xếp bao gồm dịch vụ bốc xếp hàng container và dịch vụ gom, bốc xếp hàng tổng hợp. Công ty hiện đang sở hữu và khai thác các loại cần trục có sức nâng từ 25 – 250 tấn, đủ năng lực bốc xếp cho các tàu có tải trọng lớn, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí bốc dỡ.

Về hoạt động vận tải: hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ của Công ty được hỗ trợ tốt bởi đội sà lan, tàu lai dắt và đội xe tải container chuyên nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn liên kết với các Công ty chuyên vận tải hàng hóa có khả năng chuyên chở cấp khu vực để đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả mọi nhu cầu của khách hàng.





(ii) Dịch vụ lưu kho bãi

• Kho và dịch vụ lưu kho

Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ đang sở hữu một hệ thống nhà kho và diện tích sử dụng để bảo quản hàng hóa lớn. Công ty cung cấp dịch vụ giúp khách hàng ký hợp đồng dài hạn để gom hàng, lưu trữ tại kho. Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong việc kiểm soát, kiểm đếm hàng hóa, có phương thức đóng gói hàng hóa cẩn thận, chính xác, tiết kiệm diện tích giúp giảm thiểu chi phí phát sinh, tận dụng tối đa diện tích kho bãi. Dịch vụ lưu kho của Công ty có tỉ lệ lấp đầy rất cao, có những thời điểm diện tích lấp đầy lên tới 100%.

• Bãi và dịch vụ cho thuê bến bãi

Với tổng cộng hơn 143.000 m² bãi hàng hóa ở hai Cảng Cái Cui và Cảng Hoàng Diệu, Công ty hiện đang sở hữu cơ sở hạ tầng bãi lớn nhất so với các Cảng khác trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, tỉ lệ lấp đầy chung toàn Công ty hiện ở mức 42%.

(iii) Hoạt động cung ứng xăng dầu

Là một trong những dịch vụ kinh doanh truyền thống của Cảng. Trong thời gian qua, dịch vụ cung ứng xăng dầu cho các đối tượng là các tàu chở hàng hóa qua cảng và các đơn vị vận tải trong cảng đang phát triển trở thành một trong những nhóm dịch vụ thường xuyên mang lại nguồn thu đáng kể trong tương lai của Công ty. Trong 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu từ dịch vụ cung ứng xăng dầu là 5.9 tỷ đồng, chiếm 13,86 % tổng doanh thu toàn Công ty.

(iv) Hoạt động kinh doanh khác

Ngoài các nhóm dịch vụ chính kể trên, Công ty hiện còn cung cấp các dịch vụ giao nhận, các dịch vụ cung ứng hàng hải, dịch vụ cho thuê tàu lai, và các dịch vụ khác. Các dịch vụ phụ trợ này tuy chiếm tỷ trọng doanh thu không cao nhưng lại đóng vai trò hỗ trợ quan trọng, gia tăng thêm giá trị cho các nhóm dịch vụ chính, giúp Công ty hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ hàng hải đa dạng và hoàn chỉnh.

9.1.2. Năng lực Cầu bến kho bãi

Được hình thành trên cơ sở sáp nhập hai Cảng Cần Thơ và Cái Cui, Công ty được kế thừa hệ thống hạ tầng vào loại lớn nhất khu vực bao gồm các cầu cảng dài, có thể tiếp nhận các

tàu có trọng tải lớn, cùng với hệ thống kho bãi diện tích lớn với 28,053 m² (kho), 60.198 m² (bãi container) và 83.276 m² (bãi hàng tổng hợp).

Năng lực cầu bến

| Cầu/bến | Độ sâu | Số lượng cầu | Chiều dài | Trọng tải tàu tối đa có thể tiếp nhận | Loại hàng tiếp nhận |
|-----------------|--------|--------------|-----------|---------------------------------------|-------------------------------|
| Cảng Hoàng Diệu | -14 m | Cầu A | 142 m | 20.000 DWT | Hàng container, hàng tổng hợp |
| | | Cầu B | 160 m | 10.000 DWT | Hàng container, hàng tổng hợp |
| Cảng Cái Cui | -14 m | Cầu số 1 | 165 m | 10.000 DWT | Hàng container, hàng tổng hợp |
| | | Cầu số 2 | 200 m | 20.000 DWT | Hàng container, hàng tổng hợp |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

Kho hàng

| STT | Tên kho, bãi | Diện tích (m ²) | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------|---------------|
| 1 | Kho hàng tổng hợp số 1 | 3.024 | |
| 2 | Kho hàng tổng hợp số 2 | 1.224 | |
| 3 | Kho hàng tổng hợp số 3 | 3.024 | |
| 4 | Kho hàng tổng hợp số 4 | 1.224 | |
| 5 | Kho hàng tổng hợp số 5 | 3.024 | |
| 6 | Kho hàng tổng hợp số 6 | 1.000 | |
| 7 | Kho CFS | 3.024 | Đang xây dựng |
| 8 | Kho A | 3.240 | |
| 9 | Kho A1 | 3.007 | |
| 10 | Kho A2 | 1.080 | |

| STT | Tên kho, bãi | Diện tích (m ²) | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----------------------------|---------|
| 11 | Kho B1 | 630 | |
| 12 | Kho hậu phương | 2.392 | |
| 13 | Kho CFS | 2.160 | |
| | Tổng diện tích | 28.053 | |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, 2014

Bãi Container:

| STT | Tên Kho, bãi | Diện tích (m ²) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|-----------------------------|---------------|
| 1 | Bãi chứa hàng container | 11.930 | |
| 2 | Bãi chứa hàng container | 25.600 | Đang xây dựng |
| 3 | Bãi container (A1, A3, A4, A6) | 12.371 | |
| 4 | Bãi xếp container (A1,A2,A5,A6) | 10.297 | |
| | Tổng diện tích | 60.198 | |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

Bãi hàng tổng hợp

| STT | Tên kho, bãi | Diện tích (m ²) | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-----------------------------|---------------|
| 1 | Bãi công nghệ quanh kho số 1 | 9.686 | |
| 2 | Bãi chất rút quanh kho CFS | 14.576 | Đang xây dựng |
| 3 | Bãi hàng rời nền cát | 18.152 | |
| 4 | Bãi hàng tổng hợp | 7.776 | |
| 5 | Bãi chất hàng than | 2.074 | |

| STT | Tên kho, bãi | Diện tích (m ²) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|-----------------------------|---------|
| 6 | Bãi Công ty IDICO thuê | 5.845 | |
| 7 | Bãi Công ty Phan Thông thuê | 6.000 | |
| 8 | Bãi Công ty Runlong thuê | 5.000 | |
| 9 | Bãi hàng tổng hợp (C1,C2,C3,C4) | 6.825 | |
| 10 | Bãi D1, D2, D3, D4 | 1.498 | |
| 11 | Bãi hậu phương | 844 | |
| 12 | Bãi bê tông nhựa (02,03,04,05) | 5.000 | |
| | Tổng diện tích | 83.276 | |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

9.1.3. Nguồn cung cấp hàng hóa đầu vào

- **Nguồn cung cấp nguyên vật liệu:** Với đặc trưng của hoạt động kinh doanh dịch vụ chính là thực hiện xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa, nguồn nhiên liệu chủ yếu của Công ty là xăng, dầu và dầu mỡ bôi trơn.
- **Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu:** Trong những năm qua do xu thế của nền kinh tế đất nước chịu ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục giá điện, xăng dầu hàng hóa dịch vụ tăng cao, ảnh hưởng lớn đến giá vốn của Công ty. Nhằm đề phòng những rủi ro cho những biến động về giá xăng dầu đối với hoạt động kinh doanh. Công ty đã ký kết hợp đồng cung cấp có thời hạn lâu dài với các nhà cung cấp có uy tín.
- **Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty:**

| STT | Tên nhà cung cấp | Mặt hàng cung cấp |
|-----|------------------------------|-------------------|
| 1 | Công Ty Xăng Dầu Tây Nam Bộ | Xăng, dầu |
| 2 | Công ty CP Việt Tín – Mekong | Nhớt |

| STT | Tên nhà cung cấp | Mặt hàng cung cấp |
|-----|------------------------------|---------------------------|
| 3 | Cty TNHH TM Khang Hưng Phát | Nhớt |
| 4 | Cty TNHH MTV TMDV Hamaco | Nhớt |
| 5 | Lý Lệ Quyên (chợ An Lạc) | Cáp |
| 6 | Cty TNHH MTV Phúc Vinh | Cáp |
| 7 | Cty TNHH TM Giai Hòa | Phụ tùng máy móc |
| 8 | DNTN A Lập | Phụ tùng máy móc |
| 9 | Cty TNHH An Tùng | Phụ tùng máy móc |
| 10 | Cty TNHH TMDN Bình Nguyên NT | Phụ tùng máy móc |
| 11 | DNTN Ngọc Hồ | Dây cáp, dây bò... |
| 12 | Cửa hàng Khru Văn Đước | Ma ní, vật tư sắt thép... |
| 13 | DNTN Hoàng Đua | Dầu Do, nhớt... |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

9.1.4 Trình độ công nghệ

Chất lượng dịch vụ phụ thuộc phần lớn vào hệ thống máy móc chuyên dụng sẵn sàng phục vụ các hoạt động vận tải, xếp dỡ. Công ty đã đầu tư trang bị hệ thống máy móc thiết bị phụ trợ tương đối hoàn thiện từ tuyến tiền phương đến tuyến hậu phương phù hợp với hàng rời và hàng container.

| STT | TÊN MÁY MÓC | NƯỚC SẢN XUẤT | CÔNG SUẤT | SỨC NÂNG | SỐ LƯỢNG |
|----------|-----------------|---------------|----------------------|----------|----------|
| I | CẦN TRỤC | | | | |
| 1 | BUCYRUS 38 B | MỸ | CATERPILLAR.I6-350HP | 40T | 1 |
| 2 | GOTTWALD 75T | ĐỨC | DUTZ.I6-175HP | 75T | 1 |
| 3 | LIMA 1250SC | MỸ | GM.I6.110-350HP | 90T | 1 |
| 4 | LORAIN 70T | MỸ | CATERPILLAR.I6-350HP | 70T | 1 |
| 5 | LORAIN 45T | MỸ | GM.I6-225HP | 45T | 1 |
| 6 | LORAIN MC-30H | MỸ | CUMINS8-220KW/297HP | 30T | 1 |
| | Máy xe | | CUMINS6-186KW/250HP | | |
| 7 | KOEHRING 40T | MỸ | GM.I6-225HP | 40T | |

| STT | TÊN MÁY MÓC | NƯỚC SẢN XUẤT | CÔNG SUẤT | SỨC NÂNG | SỐ LƯỢNG |
|------------|-------------------------|--------------------|-------------------------|----------|----------|
| 8 | KomatsuBucyrus 25T | MỸ-NHẬT | HINO.I6-220HP | 25T | 1 |
| 9 | LINKBELT 45T | MỸ | GM.I6-225HP | 45 T | 1 |
| 10 | Hitachi FK 150 | NHẬT | GM.I4- 160HP | 30T | 1 |
| 11 | Hitachi KH 300 3 | NHẬT | ISUZU 6RB1-166KW/225PS | 80T | 1 |
| 12 | HITACH KH500-3 | NHẬT | ISUZU,EM100-247KW/334HP | 100T | 1 |
| 13 | HITACH KH180-3 | NHẬT | HINO,EM100-110KW/154HP | 50T | 1 |
| 14 | HITACH KH 180-2 | NHẬT | ISUZU6-110KW/154HP | 50T | 1 |
| 15 | NISSHA D408S | NHẬT | HINO6,EB100-123KW/167HP | 45T | 1 |
| II | XE CHỤP | | | | |
| 1 | KALMAR | THỤY ĐIỆN | VOLVO.I6-220HP | 42T | 1 |
| 2 | FERARI | ITALIA - THỤY ĐIỆN | VOLVO.V8-280HP | 42T | 1 |
| III | XE NÂNG | | | | |
| 1 | CATERPILLAR | MỸ | | 4T | 1 |
| 2 | TCM-1-2,5T | NHẬT | ISUZU, 4LB1-58KW/78HP | 2.5T | 01 |
| 3 | TCM-4-10T | NHẬT | ISUZU, I6-105KW/141HP | 10T | 01 |
| 4 | TCM-5-5T | NHẬT | ISUZU, I6-98KW/120HP | 5T | 01 |
| 5 | MITSUBISHI-7T | NHẬT | ISUZU, I6-98KW/120HP | 7T | 01 |
| 6 | KOMATSU-4T | NHẬT | KOMATSU58KW/78,4HP | 4T | 01 |
| 7 | FD150-15T | NHẬT | ISUZU, I6-155KW/178HP | 15T | 01 |
| 8 | TCM-7,5T. | NHẬT | ISUZU,D500-105KW/141HP | 7.5T | 01 |
| 9 | TCM-2,5T. | NHẬT | ISUZU, 4LB1-58KW/78HP | 2.5T | 01 |
| IV | XE ỦI | | | | |
| 1 | D31P-2 | NHẬT | KOMATSU58KW/78,4HP | 5T | 01 |
| 2 | D31P-3 | NHẬT | KOMATSU58KW/78,4HP | 5T | 01 |
| 3 | D31 P-17. | NHẬT | KOMATSU58KW/78,4HP | 5T | 01 |
| 4 | D21 P-7 | NHẬT | KOMATSU30,5KW/41,3HP | 3T | 01 |
| V | XE XÚC | | | | |
| 1 | XE XÚC - 5T | NHẬT | KOMATSU58KW/78,4HP | 5T | 1 |
| 2 | XE XÚC - TCM820-5T | NHẬT | ISUZU, I6-98KW/120HP | 5T | 1 |
| 3 | WS 300 | NHẬT | ISUZU.I3-38KW/58HP | 1T | 1 |
| 4 | WS 310 | NHẬT | ISUZU.I3-38KW/58HP | 1T | 1 |
| VI | PHƯƠNG TIỆN THỦY | | | | |
| 1 | CT-01-CT 01856 | MỸ-NHẬT | NIGATA1350HP | | 1 |
| 2 | CT-03- CT 06610 | MỸ | CATERPILLAR425HP | | 1 |
| 3 | CANO-02 | VN | KIA30HP | | 1 |
| 4 | CANO-03 | VN | KIA35HP | | 1 |
| VII | ĐẦU KÉO | | | | |
| 1 | IVECO-65R0005 | THỤY | | | 1 |

| STT | TÊN MÁY MÓC | NƯỚC SẢN XUẤT | CÔNG SUẤT | SỨC NÂNG | SỐ LƯỢNG |
|-------------|-------------------------------|---------------|---|----------|----------|
| | | ĐIỆN | | | |
| 2 | KAMAZ-65M 2489 | NGA | KAMAZ.I6-200HP | | 1 |
| 3 | MOOC TỰ NÂNG 65R 0036 | ICERLAN | | 30T | 1 |
| 4 | KAMAZ-65M 0012 | NGA | KAMAZ.I6-200HP | | 1 |
| 5 | D1 | ANH | 354.I6-180 HP | | 1 |
| 6 | D2 | ANH | 354.I6-180 HP | | 1 |
| 7 | D3 | ANH | 354.I6-180 HP | | 1 |
| 8 | D4 | MỸ | CATERPILLA.I6-200HP | | 1 |
| 9 | INTERNATIONAL. | NHẬT | CUMINS6-195KW/263HP | | 1 |
| 10 | BOLLNAS. | THUY ĐIỆN | VOLVO.I6-200HP | | 1 |
| VIII | XE BEN | | | | |
| 1 | KAMAZ 57H 5090 | NGA | KAMAZ.I6-200HP | | 1 |
| 2 | HYUNDAI. | KOREA | MISUBISHI8-115KW/155HP | | 1 |
| IX | XE DU LỊCH | | | | |
| 1 | THACOHYUNDAI65 M 0453 | | | 29 GHẾ | 1 |
| 2 | FORD TRANSIT 65N 1078 | | 74,8KW/101HP | 16 GHẾ | 1 |
| 3 | FORD TRANSIT 65N- 2132 | | 74,8KW/101HP | 16 GHẾ | 1 |
| 4 | TOYOTA COROLLA ALTIS 65N 0932 | | 138KW/186HP | 4 GHẾ | 1 |
| 5 | NISSAN 65N 1943 | | 69,5KW/94HP | 4 GHẾ | 1 |
| 6 | FORD EVEREST 65N 6181 | | 69,5KW/94HP | 7 GHẾ | 1 |
| X | MÁY PHÁT ĐIỆN | | | | |
| 1 | D10 - 220V | VN | 5 KVA | | 1 |
| 2 | D15 -220V-40V | VN | 7KVA | | 1 |
| 3 | HONDA-220V | NHẬT | 2KVA | | 1 |
| 4 | SACM-MGO | MỸ | 630KVA | | 1 |
| 5 | CATERPILLAR. | MỸ | CATERPILLA.I6-270KW/365HP | | 1 |
| 6 | KUBOTA. | NHẬT | KUBOTA-10,3KW/14HP | | 1 |
| XI | MÁY BƠM NƯỚC | | | | |
| 1 | BƠM NƯỚC PCCN | NHẬT | 23,5HP | | 1 |
| 2 | BƠM NƯỚC | NHẬT | 5,5HP | | 1 |
| 3 | MÁY BƠM NƯỚC | NHẬT | 3,5HP | | 1 |
| 4 | BƠM NƯỚC PCCN | KOREA | 37,5KW-51HP 4A200T-SL, DAEDONG-KOREA | | 1 |
| 5 | MÁY BƠM NƯỚC | NHẬT | 40KW-54HP TOHATSU VC 52S | | 1 |
| XII | MÁY CẮT CỎ | NHẬT | 50cm3 | | 1 |
| XIII | MÁY BIẾN ÁP | | | | |
| 1 | MÁY BIẾN ÁP | VN | 630KVA | | 2 |

| STT | TÊN MÁY MÓC | NƯỚC SẢN XUẤT | CÔNG SUẤT | SỨC NÂNG | SỐ LƯỢNG |
|------------|---------------------|---------------|-----------|----------|----------|
| XIV | TRẠM CÂN | | | | |
| 1 | CÂN ĐIỆN TỬ | VN | 80T | | 2 |
| XV | RƠ MOỐC | VN | | | |
| 1 | RƠ MOỐC 20' | VN | 20' | | 2 |
| 2 | RƠ MOỐC 40' | VN | 40' | | 6 |
| 3 | RƠ MOỐC TRAILER 20' | VN | 20' | | 1 |
| 4 | RƠ MOỐC TRAILER 40' | VN | 40' | | 3 |
| 5 | RƠ MOỐC LÙN | MỸ | 20' | | 1 |
| XVI | SÀ LAN | VN | | | |
| 1 | SÀ LAN | VN | 400T | | 1 |
| 2 | SÀ LAN | VN | 500T | | 1 |
| 3 | SÀ LAN | VN | 600T | | 1 |
| 4 | SÀ LAN | VN | 800T | | 1 |
| 5 | SÀ LAN | VN | 300T | | 1 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

9.1.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Công ty đảm bảo cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho mọi khách hàng, đảm bảo cho lượng hàng hóa được bốc dỡ, trung chuyển, lưu kho qua Cảng được thực hiện trong thời gian sớm nhất, thủ tục nhanh gọn, hạn chế các hiện tượng hư hại khi lưu kho, đảm bảo an toàn cho hàng hóa của khách hàng.

9.1.6. Hoạt động Marketing

Công ty chú trọng đến hoạt động marketing nhằm giữ chân khách hàng cũ, đồng thời mở rộng đối tượng khách hàng mới, khách hàng tiềm năng. Các hoạt động marketing mà Công ty đang áp dụng bao gồm:

a. Các hình thức quảng cáo

Trực tiếp gặp gỡ khách hàng, gửi brochure giới thiệu năng lực của công ty, hoặc gửi email đến từng khách hàng có tiềm năng, Điện thoại/fax, internet marketing là phương tiện cơ bản để quảng bá hình ảnh công ty với các khách hàng thường được rất nhiều doanh nghiệp áp dụng.

Quảng cáo qua bản tin: Doanh nghiệp với vai trò là Cảng biển nước sâu duy nhất tại ĐB SCL đã được truyền hình và báo chí phỏng vấn cho các bản tin chuyên ngành trong phát triển kinh tế địa phương (Đài phát thanh và truyền hình TP. Cần Thơ, Công thông tin điện tử TP. Cần Thơ, Báo Công thương, VTC Cần Thơ, Thế giới & Việt Nam, Thời báo Kinh tế thế giới và Việt Nam, Shippingtimes).

Hội thảo: Công ty là thành viên tham gia các hội nghị thường niên, hội thảo chuyên ngành vận tải biển hàng năm của Hiệp hội Cảng biển Việt Nam-(VPA).

Hội chợ: tham gia các Hội chợ chuyên ngành và hội chợ thương mại (Hội chợ Thương mại VEF "TP Cần Thơ – 10 năm thành tựu và phát triển", Festival lúa gạo Sóc Trăng,..), tập trung trưng bày gian hàng theo phương pháp trực quan và phát quà tặng lưu niệm cho các khách hàng doanh nghiệp tham quan.

Website Công ty thường xuyên cập nhật thông tin về giá các dịch vụ, tình hình hoạt động của Cảng, đánh giá mức độ cạnh tranh ra sao, lợi thế cạnh tranh của Cảng để thu hút khách hàng tham quan, tìm hiểu và hợp tác. Đồng thời thúc đẩy thêm hình thức hợp tác, liên lạc qua mạng vừa tiết kiệm chi phí và thời gian.

b. Các chính sách marketing của Công ty

Thông qua công tác nghiên cứu thị trường, xác định mục tiêu kinh doanh, khách hàng mục tiêu, thị trường mục tiêu, đối thủ cạnh tranh, xác định thị phần, điểm mạnh, điểm yếu của công ty và các đối thủ cạnh tranh. Đưa ra các giải pháp thực hiện trước mắt và lâu dài nhằm giữ vững thị phần, mở rộng thị trường khai thác.

Áp dụng các chính sách về kế hoạch tiếp thị, chính sách về giá hợp lý, linh hoạt, chất lượng cung ứng dịch vụ, phân khúc thị trường, bố trí nhân lực, phương tiện phù hợp (Cái Cui, Hoàng Diệu, Vàm Cái Sắn, Trà Vinh, Kiên Giang).

Tăng cường các mối quan hệ với các đối tác, khách hàng, đại lý tàu và các cơ quan ban ngành.

9.1.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 165346 được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp ngày 09/06/2011. Màu sắc nhãn hiệu của Công ty bao gồm màu vàng, đen, xanh da trời, xanh dương, trắng.



9.1.8. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Với đặc thù là đơn vị cung cấp dịch vụ cảng, Công ty thường giao dịch với các khách hàng lẻ và khách hàng truyền thống. Theo đó, đối với khách hàng lẻ phải ứng trước 30% - 50% giá trị hợp đồng hoặc giấy bảo lãnh của ngân hàng mà hai bên dự kiến sẽ thực hiện và phải

thanh toán dứt điểm số nợ còn lại trước khi làm xong hàng rời cảng. Hợp đồng dài hạn (từ 06 tháng đến 05 năm), áp dụng cho tất cả các khách hàng truyền thống đã có thời gian làm hàng tại cảng. Thời hạn thanh toán là 07 ngày sau khi nhận hóa đơn tài chính của Công ty.

| STT | Tên hợp đồng | Trị giá (Đồng) | Thời gian | Sản phẩm/ dịch vụ | Đối tác ký hợp đồng |
|-----|------------------|----------------|-----------|--|---------------------------------------|
| 1 | 003/HĐKT.CCT | 328.385.000 | 1 năm | Bốc xếp, vận chuyển trang thiết bị | Cty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam |
| 2 | 004/HĐBXVC.CCT | 375.721.016 | 6 tháng | Bốc xếp Tole cuộn | Cty CP Vận tải thủy Tân Cảng |
| 3 | 40/HĐKT-CCC-KT | 306.800.000 | 6 tháng | Rút container, cho thuê thiết bị xe nâng | Cty TNHH King Group |
| 4 | 35/HĐKT-CCC-KT | 289.700.000 | 6 tháng | Bốc xếp, cho thuê bãi Gạch ceramic | Cty TNHH TM Triều Thuận Nguyên |
| 5 | 33/HĐKT-CCC-KT | 222.000.000 | 6 tháng | Vận chuyển, bốc xếp thiết bị | Cty TNHH Vận tải TM DV Huy Thắng |
| 6 | 27/HĐKT-CCC-KT | 2.758.000.000 | 6 tháng | Cho thuê kho Cám | Cty TNHH Wilmar Agro Việt Nam |
| 7 | 22/HĐKT-CCC-KT | 624.000.757 | 1 năm | Cho thuê kho thức ăn chăn nuôi | Cty TNHH Proconco Cần Thơ |
| 8 | 09/HĐKT-CCC-KT | 477.000.303 | 1 năm | Cho thuê kho, bốc xếp bột cá | DNTN Khải Hoàn |
| 9 | 04/HĐKT-CCC-KT | 538.200.240 | 1 năm | Bốc xếp Container | Cty TNHH MTV Hàng hải Hà Nội Cần Thơ |
| 10 | 048/2009N-HĐBXTB | 742.800.000 | 1 năm | Cho thuê bãi, phụ thu bơm mỡ cá | Công Ty TNHH Tập Đoàn Quốc Tế RUNLONG |
| 11 | 13/HĐKT-CCC-KT | 674.000.000 | 1 năm | Cho thuê bãi, bốc xếp gỗ dăm | Cty CP Đầu tư Thủy Sơn |
| 12 | 19/TB.CHD.2014 | 2.168.600.540 | 2 năm | Cho thuê bãi, bốc xếp gỗ dăm | Cty TNHH SX DV TM Thủy Sơn |
| 13 | 35/BX.CCT.2013 | 1.253.000.000 | 1 năm | Bốc xếp Gạo, cám | Cty TNHH TM DV VTB Ngô Đam |
| 14 | 81/BX.CHD.2014 | 2.568.000.000 | 1 năm | Bốc xếp Gạo, cám | Cty CP TM Vận tải Nhật Hải Đăng |
| 15 | 01/BX.CHD.2014 | 5.284.600.000 | 1 năm | Bốc xếp Gạo, cám | Nguyễn Thị Mỹ Linh |

| STT | Tên hợp đồng | Trị giá (Đồng) | Thời gian | Sản phẩm/ dịch vụ | Đối tác ký hợp đồng |
|-----|------------------|----------------|-----------|--|--|
| 16 | 64/BX.CHD.2014 | 2.076.000.000 | 1 năm | Bốc xếp Clinker | Cty CP đầu tư TM và vận tải Thiên Phúc |
| 17 | 29/TKBX.CHD.2014 | 447.600.000 | 1 năm | Bốc xếp, cho thuê kho Bột mì | Cty TNHH Bột mì Mekong |
| 18 | 48/BX.HD.2014 | 984.000.000 | 1 năm | Bốc xếp thiết bị, cọc bê tông | Cty TNHH MTV TM DV Tường Vy |
| 19 | 49/CTK.CHD.2014 | 2.142.000.000 | 2 năm | Bốc xếp, cho thuê kho, bãi thép xây dựng | Cty Liên doanh Thép Tây Đô |
| 20 | 47/CTK.CHD.2014 | 1.704.000.000 | 2 năm | Cho thuê kho, bốc xếp thức ăn chăn nuôi | Cty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

9.2. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

Do là Doanh nghiệp được sáp nhập từ hai Cảng Cần Thơ (Hoàng Diệu) và Cảng Cái Cui, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/11/2013. Vì thế, các chỉ tiêu tài chính của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ chỉ được phản ánh từ thời điểm 01/11/2013.

❖ Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước Cổ phần hóa

| Chỉ tiêu | ĐVT | Tháng 11+12/2013 | 9 tháng 2014 | Ước thực hiện năm 2014 |
|--|-------------------|------------------|-----------------|------------------------|
| 1. Tổng Doanh thu | Đồng | 10.740.123.956 | 66.934.475.978 | 82.480.475.978 |
| 2. Giá vốn hàng bán | Đồng | 9.398.744.769 | 50.532.655.883 | 82.379.721.187 |
| 3. Lợi nhuận thực hiện | Đồng | (965.433.740) | (2.942.688.949) | 100.754.791 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế | Đồng | (965.433.740) | (2.942.688.949) | 100.754.791 |
| 5. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán (*) | Đồng | 284.813.128.155 | 284.813.128.155 | 284.813.128.155 |
| 6. Tổng số lao động | Người | 214 | 212 | 212 |
| 7. Thu nhập bình quân | Đồng/Người /Tháng | 4.900.000 | 5.200.000 | 5.200.000 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

(*): *Vốn Nhà nước đã được xác định lại theo Quyết định số 574/QĐ-HHVN ngày 09/10/2014 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ.*

❖ **Sản lượng khai thác trước cổ phần hóa**

| Sản lượng | Năm | | 9 tháng | | Ước năm | |
|---------------------------------|------------------|------------|------------------|------------|------------------|------------|
| | 2013 | Tỉ lệ % | 2014 | Tỉ lệ % | 2014 | Tỉ lệ % |
| Hàng xuất khẩu | 124.111 | 8,10 | 78.561 | 4,36 | 98.000 | 4,67 |
| Hàng nhập khẩu | 104.021 | 6,79 | 87.394 | 4,85 | 115.000 | 5,47 |
| Nội địa | 1.303.794 | 85,11 | 1.635.729 | 90,79 | 1.887.000 | 89,86 |
| Tổng sản lượng khai thác | 1.531.926 | 100 | 1.801.684 | 100 | 2.100.000 | 100 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

Ghi chú: Bản công bố thông tin này được lập gần vào thời điểm cuối năm 2014, vì thế Công ty quyết định sử dụng số liệu ước cho năm 2014 để thuận tiện cho Nhà đầu tư trong việc theo dõi, đánh giá.

❖ **Cơ cấu doanh thu**

Sau sáp nhập, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra ổn định. Mảng Dịch vụ bốc xếp vận tải mang về nguồn thu chủ yếu cho Công ty qua các năm (hơn 60% tổng doanh thu), tiếp theo là Dịch vụ lưu kho/bãi, chiếm tỷ trọng bình quân khoảng 15%, Dịch vụ cung ứng xăng dầu (hơn 12%) và Các dịch vụ phụ trợ khác. Cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng

| Doanh thu | Tháng 11+12/2013 | Tỉ lệ % | 9 tháng 2014 | Tỉ lệ % | Ước thực hiện năm 2014 | Tỉ lệ % |
|-----------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|------------------------|------------|
| <i>Bốc xếp, vận tải</i> | 6.894.202.906 | 64,19 | 40.651.788.346 | 60,73 | 49.763.740.754 | 60,33 |
| <i>Dịch vụ kho bãi</i> | 1.712.394.833 | 15,94 | 9.703.290.111 | 14,50 | 11.703.290.111 | 14,19 |
| <i>Cung ứng xăng dầu</i> | 1.380.506.678 | 12,85 | 9.061.655.130 | 13,54 | 10.223.739.478 | 12,40 |
| <i>Hoạt động tài chính</i> | 499.562.192 | 4,65 | 1.678.561.906 | 2,51 | 2.178.561.906 | 2,64 |
| <i>Dịch vụ phụ trợ khác</i> | 253.457.347 | 2,36 | 5.839.180.485 | 8,72 | 8.611.143.729 | 10,44 |
| Tổng cộng | 10.740.123.956 | 100 | 66.934.475.978 | 100 | 82.480.475.978 | 100 |

Nguồn: BCTC KT năm 2013, BCTC 9 tháng 2014 và ước thực hiện năm 2014 Cảng Cần Thơ

❖ **Cơ cấu giá vốn – chi phí**

Đơn vị tính: Đồng

| Giá vốn – Chi phí | Tháng 11+12/2013 | Tỉ lệ % | 9 tháng 2014 | Tỉ lệ % | Ước thực hiện năm 2014 | Tỉ lệ % |
|--------------------|----------------------|------------|-----------------------|------------|------------------------|------------|
| Giá vốn | 9.397.850.736 | 100 | 50.532.655.883 | 100 | 60.073.368.581 | 100 |
| Bốc xếp, vận tải | 6.006.346.634 | 63,91 | 36.737.874.507 | 72,66 | 43.670.043.450 | 72,69 |
| Lưu kho bãi | 1.204.300.505 | 12,81 | 2.041.150.281 | 4,04 | 2.426.300.450 | 4,04 |
| Cung ứng xăng dầu | 1.359.483.540 | 14,47 | 8.962.377.234 | 17,73 | 9.559.196.412 | 15,91 |
| Hoạt động khác | 827.720.057 | 8,81 | 2.791.253.861 | 5,57 | 4.417.828.269 | 7,35 |
| Chi phí | 2.806.383.039 | 100 | 18.318.838.310 | 100 | 22.306.352.606 | 100 |
| Chi phí bán hàng | 114.133.328 | 4,07 | 498.592.372 | 2,72 | 656.592.372 | 2,94 |
| Chi phí quản lý DN | 2.691.355.678 | 95,90 | 17.820.245.938 | 97,12 | 21.620.245.938 | 96,92 |
| Chi phí tài chính | 894.033 | 0,03 | 29.514.296 | 0,16 | 29.514.296 | 0,13 |

Nguồn: BCTC KT năm 2013, BCTC 9 tháng 2014 và ước thực hiện năm 2014 Cảng Cần Thơ

❖ **Cơ cấu tài sản, nguồn vốn**

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2013 | Tỉ lệ % | 09 tháng 2014 | Tỉ lệ % |
|-----------------------|------------------------|------------|------------------------|------------|
| Tài sản ngắn hạn | 34.743.044.799 | 12,04 | 41.968.350.938 | 14,48 |
| Tài sản dài hạn | 253.873.209.838 | 87,96 | 247.777.591.325 | 85,52 |
| Tổng tài sản | 288.616.254.637 | 100 | 289.745.942.263 | 100 |
| Nợ ngắn hạn | 38.565.269.213 | 13,36 | 41.150.179.411 | 14,20 |
| Nợ dài hạn | 2.620.069.723 | 0,91 | 3.142.092.360 | 1,08 |
| Vốn chủ sở hữu | 247.430.915.701 | 85,73 | 245.453.670.492 | 84,72 |
| Tổng nguồn vốn | 288.616.254.637 | 100 | 289.745.942.263 | 100 |

Nguồn: BCTC KT 2013 và BCTC 9 tháng 2014 Cảng Cần Thơ

❖ **Công nợ phải thu**

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2013 | 9 tháng 2014 |
|--------------------------|----------------|----------------|
| Phải thu từ khách hàng | 17.888.218.292 | 17.084.056.258 |
| Trả trước cho người bán | 113.899.527 | 205.431.527 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 2.279.711.306 | 2.306.326.035 |
| Phải thu khác | 4.973.134.172 | 1.729.848.700 |

| Chỉ tiêu | 31/12/2013 | 9 tháng 2014 |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (3.618.763.626) | (4.427.313.024) |
| Phải thu ngắn hạn | 21.636.199.671 | 16.898.349.496 |
| Phải thu dài hạn khách hàng | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 723.666.200 | 729.214.295 |
| Phải thu dài hạn | 723.666.200 | 729.214.295 |

Nguồn: BCTC KT năm 2013 và BCTC 09 tháng 2014 Cảng Cần Thơ

❖ Công nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2013 | 9 tháng 2014 |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nợ ngắn hạn | 38.565.269.213 | 41.150.179.411 |
| Vay và nợ ngắn hạn | - | - |
| Phải trả cho người bán | 696.627.014 | 1.795.217.259 |
| Người mua trả tiền trước | 139.986.749 | 212.278.736 |
| Các khoản thuế phải nộp | 2.621.616.390 | 1.442.333.260 |
| Phải trả công nhân viên | 1.830.352.543 | 2.782.508.280 |
| Chi phí phải trả | 133.991.275 | 1.200.117.063 |
| Phải trả nội bộ | 186.850.587 | 256.751.951 |
| Phải trả khác (*) | 32.955.844.655 | 33.460.972.862 |
| Nợ dài hạn | 2.620.069.723 | 3.142.092.360 |
| Phải trả dài hạn người bán | - | - |
| Vay và nợ dài hạn | 1.105.680.401 | 995.112.360 |
| Phải trả dài hạn khác | 571.636.650 | 646.980.000 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện | 942.752.672 | 1.500.000.000 |
| Tổng cộng | 41.185.338.936 | 44.292.271.771 |

Nguồn: BCTC KT năm 2013 và BCTC 09 tháng 2014 Cảng Cần Thơ

Ghi chú: Theo báo cáo tài chính kiểm toán 2013, tổng nợ Công ty phải trả khoảng 41,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/01/2014, tổng số nợ Công ty là hơn 118,1 tỷ đồng, trong đó hơn 76,7 tỷ đồng là khoản nợ mà Công ty nhận chuyển giao từ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 540/QĐ-HHVN ngày 26/9/2014. Khoản nợ trên chủ yếu là khoản vay từ Ngân hàng Vietinbank (hơn 65 tỷ đồng) dùng để đầu tư xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn 2 từ năm 2009 đến năm 2012.

(*) Khoản phải trả khác của Công ty chủ yếu là khoản nợ UBND Tỉnh Cần Thơ, hơn 32 tỷ đồng. Đây là khoản nợ vay còn tồn đọng từ thời điểm đầu tư Cảng Cái Cui giai đoạn 1 2002-2006.. Khoản vay này sẽ được Công ty kiến nghị lên UBND Tỉnh Cần Thơ xem xét khoan không tính lãi trong 05 năm. Trong điều kiện kinh doanh thuận lợi, Công ty sẽ hoàn trả khoản nợ gốc 05 năm sau cổ phần hóa.

9.3. Hoạt động đầu tư phát triển

Công ty luôn chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng cảng, thiết bị và công cụ xếp dỡ đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng sản lượng hàng hoá thông qua cảng trong những năm qua. Các dự án đầu tư đều được cân nhắc, tính toán kỹ về lộ trình, nguồn vốn sử dụng đảm bảo hiệu quả và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau khi hoàn thành giai đoạn 1, hiện Công ty đang triển khai dự án đầu tư Cảng Cái Cui giai đoạn 2 với tổng vốn đầu tư dự kiến là 700 tỷ đồng.

Tổng quan về dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2

| | |
|--------------------------------|---|
| Địa điểm | 02 khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, nằm tại hạ lưu cách luồng Định An 55 hải lý |
| Diện tích | 39.365 ha |
| Mục tiêu dự án | Xây dựng cảng quốc tế với hệ thống bốc xếp container hiện đại, các cơ sở logistics và đầu mối thương mại, đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa bằng tàu biển có trọng tải lớn, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh khu vực đồng bằng Sông Cửu Long và các nước hạ lưu sông Mekong |
| Độ sâu trước bến | -14m |
| Các hạng mục đầu tư | Xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kho bãi, dịch vụ logistic phục vụ cảng, hai cầu cảng có chiều dài tổng cộng 300m |
| Năng lực | Sau khi hoàn thành, Cảng sẽ có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng 20.000 DWT, công suất khai thác ước tính 400.000 TEUs/năm |
| Tổng vốn đầu tư dự kiến | 700 tỷ đồng |

Cảng Cái Cui trong tương lai



9.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

✚ Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Thuận lợi:

Cảng Cần Thơ là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I) nằm ở vị trí chiến lược trọng yếu của vùng ĐBSCL ngay trên Sông Hậu, với lợi thế về quy mô, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, lực lượng lao động. Cảng Cần Thơ nhận được rất nhiều sự quan tâm, ưu đãi, tạo điều kiện phát triển từ Lãnh đạo Đảng, Chính phủ, các Bộ, ban ngành Trung ương và chính quyền thành phố Cần Thơ.

Bên cạnh đó là sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Công ty mẹ là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Cảng Cần Thơ được định hướng là cảng tổng hợp có chiến lược phát triển hiện đại, trong đó hoạt động trọng tâm là kinh doanh cảng biển, ngoài ra tận dụng thế mạnh về kho bãi Cảng Cần Thơ sẽ phát triển kinh doanh kho bãi và dịch vụ Logistics.

Lãnh đạo, Đảng ủy, Công đoàn Công ty quyết tâm đổi mới, đoàn kết khắc phục khó khăn, thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định của Chính phủ, ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

Tập thể người lao động trong toàn Công ty ngày càng đoàn kết tự tin hơn, hầu hết các cán bộ công nhân viên đều phấn khởi trước những thành công mà Cảng đã đạt được trong suốt những năm vừa qua và nhiệt tình ủng hộ chủ trương cổ phần hóa Công ty.

Những kết quả đạt được trong hoạt động đầu tư phát triển và đổi mới doanh nghiệp trong những năm gần đây về đầu tư cầu tàu, kho bãi, thiết bị làm hàng, đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật v.v..là một động lực lớn thúc đẩy Công ty quyết tâm đổi mới.

Là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác cảng, Cảng đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác thuận lợi với các tổ chức tín dụng, khách hàng truyền thống, các cơ quan quản lý.

Chính sách đổi mới của Nhà nước trong công tác quản lý đầu tư tín dụng ngày càng thông thoáng cũng là thuận lợi cho Cảng quyết tâm chuyển đổi mô hình tổ chức, đầu tư mạnh mẽ hơn để nhanh chóng tích tụ nội lực khi Việt Nam hội nhập toàn cầu.

Chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện của đất nước trong các năm qua đã đem đến cho Công ty các cơ hội hợp tác và phát triển thị trường cũng như việc thực hiện liên doanh liên kết với các Cảng trong khu vực, tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị bốc xếp.

Sự thay đổi cơ chế hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần sẽ tạo thêm động lực phát triển cho Công ty. Công ty sẽ chủ động hơn trong định hướng chiến lược phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và huy động vốn theo quy định của pháp luật.

Người lao động sẽ là người chủ thực sự của Công ty, có lợi ích gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Công ty từ đó có ý thức hơn trong lao động sản xuất, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ có khả năng huy động tối đa các nguồn lực vật chất, trí tuệ của các cổ đông, linh hoạt và chủ động sản xuất kinh doanh.

Công tác quản lý, việc phân phối thu nhập ở Công ty cổ phần được đổi mới sẽ tạo động lực thúc đẩy cán bộ công nhân viên nỗ lực lao động sản xuất, mang lại hiệu quả cao cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kênh Quan Chánh Bó, luồng Định An được các cơ quan chức năng nạo vét tạo điều kiện cho tàu có trọng tải tương đương 20.000 DWT có thể cập cảng, mang đến cơ hội to lớn cho Công ty trong việc thay đổi cơ cấu khách hàng, phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi.

❖ **Khó khăn:**

Nền kinh tế Việt Nam trong các năm vừa qua bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế làm cho các hoạt động xây dựng cơ bản, các dự án xây dựng bị thiếu vốn dẫn tới tiến độ thi công chậm hoặc ngừng thi công.

Về năng lực kết nối giao thông thủy: hiện tại, Luồng Định An, Kênh Quan Chánh Bó vẫn đang trong quá trình thực hiện dự án, các tàu có trọng tải từ 5.000 DWT trở lên phải giảm tải trước khi đến các cảng trên sông Hậu nên chi phí vận tải hàng hóa, nhất là hàng hóa xuất nhập khẩu còn cao; gây ra một số khó khăn cho các doanh nghiệp trong vùng khi thực hiện hoạt động chuyển tải hàng hóa xuất nhập khẩu không chỉ tại Cảng Cần Thơ mà còn tại các cảng khác trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Cơ sở hạ tầng ngoài Cảng chưa thật sự thông suốt, tiến độ xây dựng và đầu tư các khu công nghiệp liền kề như Hưng Phú 1, Hưng Phú 2, Sông Hậu, Tân Phú còn chậm, lượng hàng hóa

thông qua hệ thống Cảng còn hạn chế, chưa tạo được hậu phương vững chắc cho Cảng. Bên cạnh đó, trong khu vực có nhiều cảng và bến bốc xếp ra đời, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh bốc xếp của tư nhân phát triển gây sức ép cạnh tranh về giá và buộc phải các cảng phải chia sẻ thị trường.

Ngoài ra, Cảng Cái Cui đang trong quá trình đầu tư xây dựng, hạ tầng cơ sở Cảng chưa thật sự hoàn chỉnh, chưa trang bị đầy đủ các trang thiết bị bốc xếp chuyên dụng cho hàng container từ các tàu lớn, hệ thống kho bãi, các hạng mục xây dựng như đường giao thông trong khu vực cảng, kho CFS, các công trình phụ trợ còn dở dang, nên việc khai thác Cảng chưa hiệu quả.

Chi phí sản xuất lớn, phải cạnh tranh về giá cước với các Cảng trong khu vực nên khó khăn trong việc tạo ra doanh thu, nguồn vốn tích lũy để tái đầu tư.

Giá vật tư nguyên liệu, chi phí xăng dầu ngày càng tăng gây ảnh hưởng đến giá thành sản xuất.

Chuyển sang Công ty cổ phần với áp lực phải hoạt động thật hiệu quả vì lợi ích của các cổ đông nên yêu cầu đặt ra đối với Công ty là phải sử dụng thật hợp lý và hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

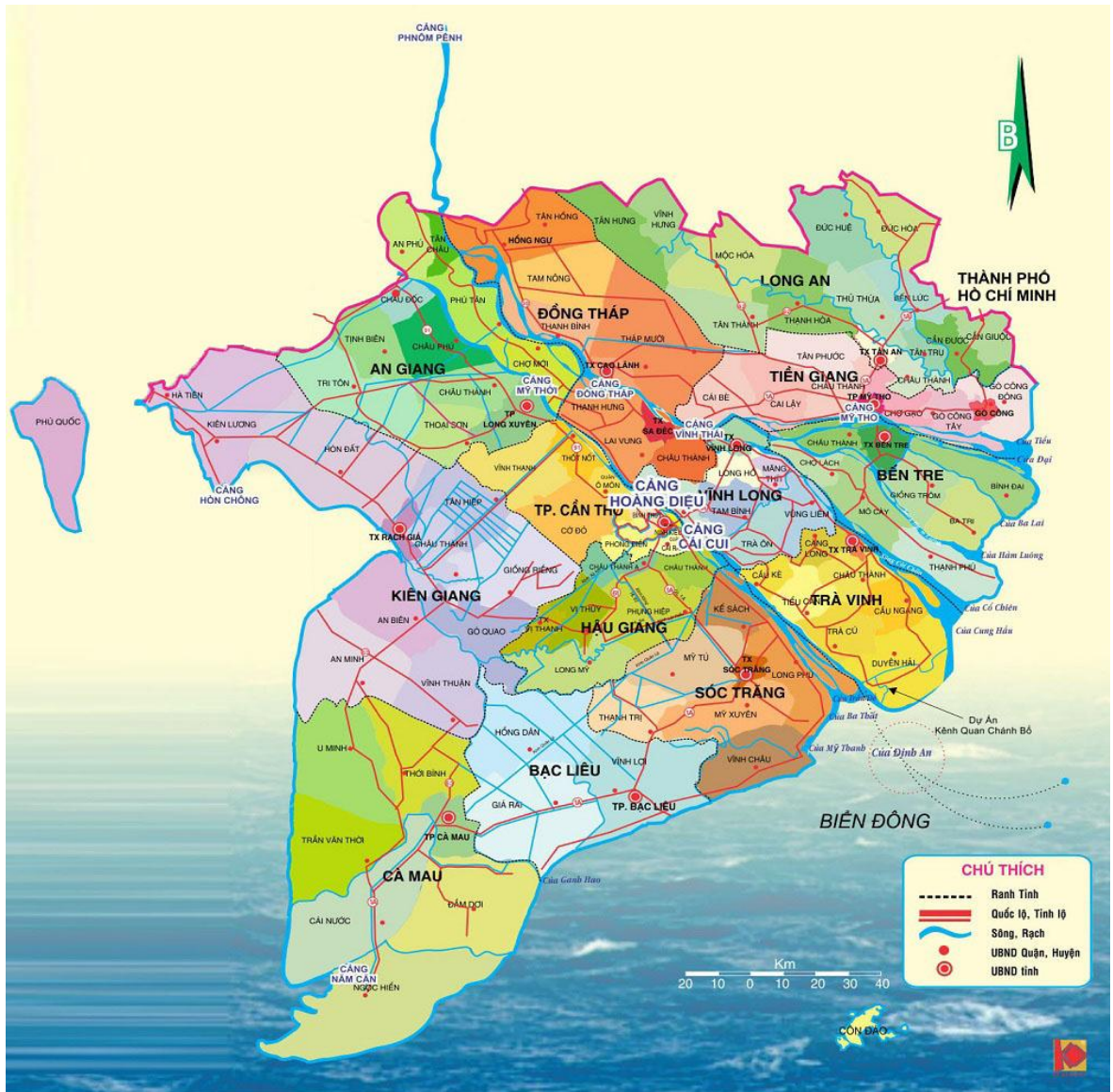
10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Nằm ở vị trí trọng yếu, Cần Thơ là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ của khu vực. Trong đó, Cảng Cần Thơ có quá trình hình thành và phát triển lâu đời, có diện tích cảng, diện tích cầu cảng, trang thiết bị, nguồn nhân lực, khả năng tài chính được xem là lớn nhất khu vực.

Trong quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, Cảng Cần Thơ là cảng tổng hợp quốc gia - đầu mối khu vực (loại I), thuộc cụm cảng số 6 trong 7 nhóm cảng biển quốc gia. Theo Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014, Cảng Cần Thơ được lựa chọn xây dựng thành bến tổng hợp kết hợp container quốc tế của vùng ĐBSCL, nhằm phục vụ hoạt động vận tải hàng hóa đóng container xuất nhập khẩu của vùng đến các cảng đầu mối quốc gia, Vương quốc Campuchia và các nước tiểu vùng sông Mekong.

Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ qua nhiều năm hình thành và phát triển đã tạo dựng được tên tuổi trong ngành khai thác cảng, các khách hàng truyền thống của Công ty bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp đa dạng trong nước và nước ngoài thực hiện sản xuất, kinh doanh các mặt hàng đa dạng từ công nghiệp (sắt, thép, clinker, than đá, bê tông...), nông nghiệp (gạo, cám, bột mì....) và lâm nghiệp (gỗ lóng, củi trấu,...). Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ là đơn vị duy nhất có khả năng bốc dỡ các thiết bị siêu trường, siêu trọng tại ĐBSCL; đơn cử trong thời gian qua Công ty đã tham gia thực hiện bốc xếp, vận chuyển cho các công trình trọng điểm của quốc gia như: dự án cầu Cần Thơ, dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu, dự án nhà máy khí điện đạm Cà Mau, dự án nhà máy Nhiệt điện Ô Môn...

Chiến lược phát triển Cảng Cần Thơ trở thành cảng trung tâm, đầu mối giao thông, kết nối các vùng kinh tế, các tỉnh, Khu vực đồng bằng Sông Cửu Long. Cảng Cần Thơ có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải 20.000 DWT và các tàu trên 20.000 DWT giảm tải (dự án kênh Quan Chánh Bó hoàn thành), cung ứng các dịch vụ khai thác cảng biển, kho, bãi, dịch vụ hàng hải, dịch vụ logistics...



Sơ đồ vị trí Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui

Định hướng trong tương lai sẽ phát triển Cảng Cái Cui thành cảng container trung tâm của vùng ĐBSCL với hạ tầng kho bãi, trang thiết bị, công nghệ quản lý hiện đại. Trong khi đó, Cảng Hoàng Diệu tập trung phát triển, khai thác các loại hàng bao, hàng rời, hàng thiết bị, hàng bách hóa.....kết hợp với các chi nhánh, trạm đại diện tại Duyên Hải (Trà Vinh), Vàm Cái Sắn (Thốt nốt), Hà Tiên- Kiên Giang, tạo thành một hệ thống các bến cảng, phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, thực hiện nhiệm vụ kinh tế, chính trị cho sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và vùng ĐBSCL.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Là quốc gia ven biển, nằm trên tuyến vận tải biển quốc tế sôi động, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế biển, nhất là cảng biển, vận tải và dịch vụ, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội bền vững. Theo Nghị quyết của Trung ương Đảng, mục tiêu sau năm 2020, ngành kinh tế hàng hải Việt Nam sẽ cố gắng đứng đầu trong các ngành kinh tế biển, đóng góp từ 53-55% GDP cả nước.

Bên cạnh đó, trong lần rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 vừa qua, Bộ Giao thông vận tải vẫn xác định sẽ tập trung phát triển hệ thống cảng biển, nhanh chóng hội nhập với các nước tiên tiến trong khu vực, phát triển hợp lý các cảng tổng hợp quốc gia, cảng chuyên dùng, cảng địa phương nhằm đảm bảo tính thống nhất trong toàn hệ thống. Theo dự kiến, đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 sẽ đầu tư đồng bộ, hiện đại hệ thống cảng biển và luồng vào cảng, tiếp tục chú trọng nâng cấp các cảng hiện có nhằm khắc phục tình trạng yếu kém về chất lượng và lạc hậu về khoa học công nghệ.

10.3.Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới thể hiện bằng việc Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình mới là công ty cổ phần. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay với nền kinh tế thị trường, mô hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động hiện không còn hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng cạnh tranh bị hạn chế. Mô hình công ty cổ phần là loại hình doanh nghiệp thích hợp nhất mà các nước tiên tiến nói chung và Việt Nam nói riêng đang áp dụng và phát huy các mặt tích cực của nó trong nền kinh tế. Với mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực của mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương; thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Mục tiêu cổ phần hóa

- Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ nhằm mục tiêu chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi cơ bản về tổ chức quản lý điều hành, mở rộng cơ hội tiếp cận với thị trường vốn, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh, năng lực công nghệ, hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Xây dựng Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ trở thành doanh nghiệp khai thác cảng với quy mô và hiệu quả hàng đầu khu vực. Cùng với sự giúp đỡ của các nhà đầu tư, Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ phấn đấu mở rộng mạng lưới khách hàng để có thể khai thác hiệu quả cơ sở vật chất thiết bị sẵn có và sẽ đầu tư sau này.

2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Huy động vốn của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp; của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để đầu tư phát triển doanh nghiệp.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.
- Đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Tổng công ty và các đơn vị thành viên sau cổ phần hóa.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty đề xuất hình thức cổ phần hóa là **bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.**

4. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh

| | | |
|---------------|---|--|
| Tên Công ty | : | Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ |
| Tên tiếng anh | : | Can Tho Port Joint Stock Company |
| Tên viết tắt | : | Cantho Port JSC |
| Trụ sở chính | : | 2KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. |
| Điện thoại | : | 07106 516 483 |
| Fax | : | 07103 917 395 |

- **Ngành nghề kinh doanh**

| TT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----------|--|-----------------|
| 1 | Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển | 5224 (chính) |
| 2 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác. | 5210 |
| 3 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa | 5222 |
| 4 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan | 5229 |
| 5 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 |
| 6 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng | 4290 |
| 7 | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4730 |
| 8 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 9 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 10 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 11 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (Hoạt động phải đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 7830 |
| 12 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621 |

| TT | Tên ngành | Mã ngành |
|----|--|--|
| 13 | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề | 9321 |
| 14 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 15 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ | 5221 |
| 16 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ bằng xe tải, xe container | 4933 |
| 17 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |
| 18 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | 5012 |
| 19 | Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 20 | (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp Chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

5. Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp khi chuyển sang công ty cổ phần

Mô hình tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng ban chức năng, các chi nhánh trực thuộc;

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban cụ thể như sau:

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

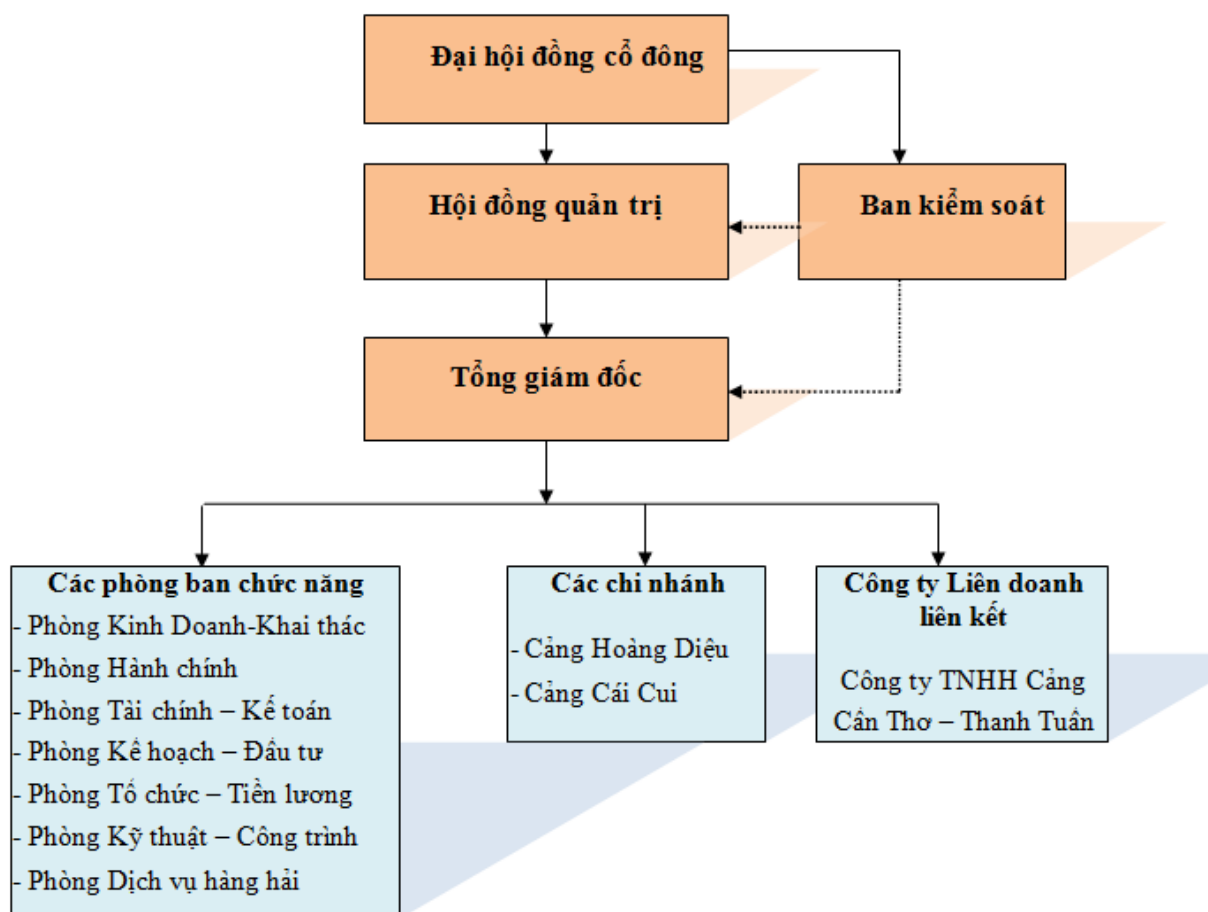
Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật và có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát: do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Tổng giám đốc: .Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo điều lệ Công ty. Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phòng chức năng: Các phòng, ban chức năng sau khi cổ phần hóa sẽ không thay đổi so với trước cổ phần hóa. Tuy nhiên, tùy từng thời điểm Công ty sẽ xem xét thay đổi cơ cấu tổ chức các phòng ban phù hợp với tình hình hoạt động và xu thế phát triển của các doanh nghiệp.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty sau khi cổ phần hóa



6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá

6.1 Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty sau cổ phần hoá

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-----|----------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1 | Vốn điều lệ | Triệu đồng | 284.800 | 284.800 | 284.800 | 284.800 |
| 2 | Tổng tài sản | Triệu đồng | 388.473 | 374.383 | 360.584 | 346.986 |
| 3 | Sản lượng thực hiện | Tấn | 2.722.294 | 3.882.701 | 5.119.251 | 6.403.316 |
| - | Xuất ngoại | Tấn | 159.109 | 1.050.116 | 1.932.214 | 2.434.589 |
| - | Nhập ngoại | Tấn | 278.735 | 822.268 | 1.397.856 | 2.376.355 |
| - | Nội địa | Tấn | 2.284.450 | 2.010.316 | 1.789.181 | 1.592.372 |
| - | Container | Teus | 26.000 | 36.000 | 65.000 | 104.000 |
| 4 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 109.487 | 157.227 | 212.432 | 268.380 |
| - | Hoạt động bốc xếp hàng hóa | Triệu đồng | 64.150 | 96.069 | 132.998 | 174.676 |

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-----|--------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| - | Hoạt động cho thuê kho bãi | Triệu đồng | 18.981 | 21.652 | 24.475 | 26.849 |
| - | Doanh thu khác | Triệu đồng | 25.602 | 38.404 | 53.765 | 65.593 |
| - | Doanh thu tài chính | Triệu đồng | 754 | 1.102 | 1.194 | 1.262 |
| 5 | Tổng chi phí | Triệu đồng | 102.982 | 137.889 | 185.686 | 233.488 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 5.204 | 15.471 | 21.397 | 27.914 |
| 7 | Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ | % | 1.83 | 5.43 | 7.51 | 9.80 |
| 8 | Lãi cơ bản/1 cổ phiếu (EPS) | đồng | 183 | 543 | 751 | 980 |
| 9 | Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ | % năm | 0% | 3% | 5% | 7% |
| 10 | Lao động bình quân | Người | 212 | 222 | 238 | 260 |
| 11 | Thu nhập bình quân/người/tháng | Đồng | 6.000.000 | 7.000.000 | 8.000.000 | 9.000.000 |

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

Ghi chú: Công ty sẽ tiến hành chia cổ tức ở mức cao hơn nếu tình hình sản xuất kinh doanh thuận lợi

6.2 Cơ sở thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

a. Triển vọng về các hoạt động kinh doanh của Công ty:

Doanh thu của Công ty dự kiến tăng mạnh, trong đó, hoạt động bốc xếp và các dịch vụ cung ứng hàng hải của Công ty được dự báo sẽ phát triển đột phá trong thời gian tới. Với các lý do sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong vùng trong thời gian tới đã có dấu hiệu hồi phục; dự kiến lượng hàng hóa vận tải nội địa và xuất nhập khẩu (chủ yếu vẫn là hàng rời, hàng bao: lúa, gạo, clinker,...) thông qua khu vực Vàm Cái Sắn, Hòn Chông Kiên Giang và các bến phao của Công ty tại khu vực sông Hậu sẽ gia tăng nhanh chóng trong thời gian tới.
- Công ty đã ký kết được hợp đồng cung ứng dịch vụ bốc xếp trang thiết bị, quặng, hàng rời cho các dự án lớn, các doanh nghiệp có tên tuổi trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và Hà Tĩnh như: Dự án Điện gió Bạc Liêu, Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên hải, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú, Công ty TNHH Gang Thép Formosa Hà Tĩnh tại dự án Nhà máy Gang Thép Formosa Hà Tĩnh, Công ty TNHH Giấy Lee&Man tại dự án

Nhà máy Giấy Lee&Man Hậu Giang.v.v.. Tính riêng đối với hợp đồng bốc xếp than đá phục vụ cho nhà máy nhiệt điện thuộc dự án nhà máy giấy Lee&Man Hậu Giang đã có sản lượng 3.000tấn/ngày.

- Ngoài ra, công ty sẽ tiên phong tham gia thực hiện bốc xếp chuyên tải hàng hóa xuất nhập khẩu (chủ yếu là hàng rời, quặng, hàng bao) từ các tàu biển lớn (50.000 DWT trở lên) neo đậu tại khu vực phao 0 của Luồng Định An sang các phương tiện thủy nhỏ hơn phù hợp với thiết kế luồng để chuyên chở hàng hóa vào các dự án, công trình, nhà máy lớn trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long và chuyển tải sang Vương quốc Campuchia. Đây là giải pháp quan trọng nhằm hóa giải một phần “nút thắt” giới hạn của luồng dẫn vào các cảng trên sông Hậu trong nhiều năm qua.
- Công ty đã ký hợp đồng bốc xếp cho hàng hóa cho Nhà máy Giấy Lee&Man Hậu Giang sau khi nhà máy đi vào hoạt động vào cuối năm 2015; dự kiến sản lượng năm 2016 đạt 2.000 TEUs/tháng, năm 2017 đạt 4.000 TEUs/tháng, năm 2018 đạt 8.000 TEUs/tháng, năm 2019 đạt 16.000 TEUs/tháng và năm 2020 đạt 20.000 TEUs/tháng.
- Công ty hiện đang huy động mọi nguồn lực nhanh chóng thiết lập tuyến vận tải container quốc tế Phnompenh (Campuchia) – Cần Thơ - qua luồng Định An – Cái Mép Vũng Tàu bằng phương tiện thủy lớn (trước tiên sử dụng sà lan 150 TEUs; tương lai sử dụng tàu 500 – 1000 TEUs sau khi kênh Quan Chánh Bồ thông luồng trong năm 2015) để vận chuyển hàng hóa từ nội địa Campuchia và đồng bằng sông Cửu Long đến Cảng quốc tế Cái Mép (Vũng Tàu) và ngược lại vận chuyển hàng hóa của vùng đồng bằng Sông Cửu Long và Việt Nam xuất khẩu sang Campuchia. Đây là giải pháp quan trọng nhằm thay thế phương pháp vận tải nhỏ lẻ truyền thống hàng hóa xuất nhập khẩu của vùng đồng bằng sông Cửu Long như hiện nay nhờ vào hiệu quả kinh tế (sử dụng sà lan, tàu từ 150TEUs-500 TEUs thay cho sà lan nhỏ 72 TEUs trở lại trên đường thủy và xe container trên đường bộ); đồng thời góp phần thực hiện chủ trương giảm tải hàng hóa trên đường bộ, giảm thiểu phương tiện cơ giới trên đường, giảm nguy cơ tai nạn giao thông do xung đột giữa các phương tiện, đồng thời bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Theo thống kê 80% lượng hàng hóa xuất khẩu của vùng đồng bằng Sông Cửu Long được vận chuyển bằng các phương tiện thủy nhỏ và xe container qua hệ thống sông Tiền, do đó đây là nguồn hàng rất lớn, tiềm năng cho tuyến vận tải container quốc tế qua Cảng Cần Thơ nói trên. Ngoài ra, theo công bố tại website của Cảng Phnom Penh thì khối lượng container thông qua vào năm 2013 đạt 104.100 Teus tương đương 1.457.400 tấn; dự kiến năm 2014 sẽ đạt 135.000 Teus tương đương 1.890.000 tấn.

b. Thay đổi mô hình hoạt động

- Cổ phần hóa mang lại lợi ích cho Công ty trong công tác quản trị điều hành, kiểm soát chi phí, giảm thiểu giá vốn, tăng lợi nhuận.

c. Thay đổi tích cực từ việc khơi thông luồng Định An, kênh Quan Chánh Bó

Theo thống kê của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ (2013), hiện 15 bến cảng tại Đồng bằng sông Cửu Long chỉ mới khai thác từ 20% đến dưới 50% công suất. Vì thế, khi công tác nạo vét luồng Định An, dự án kênh Quan Chánh Bó được hoàn thành năm 2015 theo cam kết của Chính phủ sẽ khai thông ách tắc cho tuyến lưu thông đường thủy quan trọng nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, các tàu có tải trọng 10.000 - 20.000 DWT có thể cập bến làm cơ sở cho việc phát triển hạ tầng bến cảng trên sông Hậu, tạo sự thay đổi to lớn đối với việc phát triển kinh doanh của các Cảng trong khu vực.

d. Sự ủng hộ của các cơ quan chức năng.

Theo định hướng của thành phố Cần Thơ, Cảng Cần Thơ một trong những hạt nhân phát triển kinh tế chính của thành phố trong tương lai, vì thế thành phố sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ Công ty phát triển về các hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Các giải pháp thực hiện

Xây dựng thương hiệu Công ty cổ phần TNHH MTV Cảng Cần Thơ hoạt động bền vững, uy tín trên thị trường.

a. Giải pháp về sản xuất kinh doanh

Tận dụng ưu thế khi Chính phủ thắt chặt các quy định, yêu cầu về tải trọng, khổ giới hạn, các phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh cho vận tải đường thủy.

Triển khai phát triển đồng bộ cảng biển với cơ sở hạ tầng kết nối cảng và dịch vụ sau cảng; nâng cao chất lượng dịch vụ logistics phục vụ vận tải thuận lợi, tổ chức hiệu quả quá trình vận tải trong khu vực; giảm thời gian, chi phí vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu thay vì tiếp chuyển hàng hóa trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long qua nhóm cảng biển số 5 như trước đây (Hàng năm, lưu lượng hàng hóa vận chuyển qua khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đạt 51.5 triệu tấn).

Thực hiện chiến lược tập trung khác biệt hóa. Theo thế mạnh nội tại và đặc điểm môi trường bên ngoài của hai Cảng Chi nhánh, Công ty lựa chọn phát triển Cảng Cái Cui thành cảng container chuyên dụng, Cảng Hoàng Diệu thành cảng tổng hợp bốc dỡ hàng rời và hàng bao.

Tạo ra sự khác biệt trong chất lượng dịch vụ bằng cách: nâng cao công tác quản lý - tổ chức kho hàng, cải thiện phương thức sắp xếp bốc dỡ; nhằm tăng công suất chứa hàng tận dụng hơn nữa diện tích kho; rút ngắn thời gian bốc xếp giúp cho hàng hóa thông qua Cảng được nhanh chóng với mức giá hợp lý.

Phát triển dịch vụ logistics phục vụ trọn gói cho khách hàng bằng cách xây dựng kho ngoại quan CFS, đầu tư phương tiện vận chuyển container đến tận nhà máy của khách hàng, ứng dụng phần mềm quản lý khai thác; xây dựng các mối liên kết với các cảng xung quanh nhằm

tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kênh vận chuyển hàng hóa thông suốt đến các cảng địa phương ở khu vực đi trực tiếp đến cụm cảng Cái Mép - Vũng Tàu vận chuyển ra quốc tế.

b. Giải pháp về đầu tư

Sau cổ phần hóa, Công ty tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ ở hai Cảng Hoàng Diệu và Cái Cui nhằm phát huy tối đa vị thế Công ty tại khu vực. Tìm kiếm đối tác thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư, nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hàng hải. Việc đầu tư này có tính chất trọng yếu và tiên quyết khi luồng Định An và kênh Quan Chánh Bồ được khai thông vào năm 2015.

Trong ngắn hạn, năm 2015, Công ty dự tính sẽ đầu tư hai cầu Gantry chạy ray thúc đẩy việc bốc xếp hàng container, cùng với đó là hai xe chụp Reachstacker (một xe 40 tấn và một xe 12 tấn) chạy trên bãi và đầu tư 30.000m² bãi container chứa hàng theo hình thức liên danh kêu gọi nhà đầu tư cùng tham gia góp vốn. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ lên kế hoạch xây dựng thêm kho CFS dùng để gom hàng lẻ, hàng rời đóng container. Định hướng đến năm 2017, Công ty sẽ xây dựng thêm một bãi chứa container với diện tích 70.000m², nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ kho bãi.

Về dài hạn, khi dự án đầu tư giai đoạn 2 Cảng Cái Cui hoàn thành, dự kiến Cảng Cái Cui sẽ có hệ thống bốc xếp container hiện đại, có thể tiếp nhận các tàu có trọng tải 10.000 đến 20.000 DWT. Sản lượng bốc xếp của Công ty theo ước tính có thể đạt mức 5.5 triệu tấn hàng hóa vào năm 2017.

c. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Sau cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần nhằm khai thác triệt để các chức năng ngành nghề hiện có, rà soát lại đội ngũ nhân sự, tái cấu trúc các phòng ban đáp ứng nhu cầu hoạt động trong tình hình mới, theo hướng hiện đại, tinh gọn, hiệu quả, hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, chuyển sang lực lượng lao động trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa năng lực từng cá nhân.

Xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự phù hợp với từng vị trí công tác mới, xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, tâm huyết, nhiệt tình trong công tác, dần trẻ hóa lực lượng lao động, chuẩn bị đội ngũ kế thừa cho tương lai.

Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Chính sách đào tạo: con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp, chính vì vậy, sau cổ phần hóa, Công ty sẽ lên kế hoạch tái đào tạo lại lao động nhằm phù

hợp với những yêu cầu và đòi hỏi cho vị trí làm việc mới. Bên cạnh đó, trong dài hạn, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn cho người lao động trong công tác vận hành máy móc hiện đại, năng lực quản lý Cảng cho các cán bộ điều hành.

Chính sách đãi ngộ: đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính công bằng, công khai trong cơ chế lương thưởng, gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc, các chương trình bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm y tế cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Trên cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, những chính sách đãi ngộ phổ biến tại các công ty cổ phần hiện nay như chương trình phát hành cổ phiếu giá ưu đãi - cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên có thể được đưa ra xem xét tạo động lực, khuyến khích tinh thần làm việc cho người lao động.

d. Giải pháp tài chính

Thi hành các chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho Công ty, tận dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, hạn chế tối đa việc đi vay, quản lý chặt chẽ các chính sách công nợ, thu hồi vốn giảm thiểu rủi ro hoạt động cho Công ty.

Đối với các khoản nợ hiện tại, khoản nợ trong vòng 3 năm không tính lãi nhằm giảm áp lực tài chính, sau khi tình hình tài chính Công ty đi vào ổn định thì sẽ thực hiện trả dần theo lộ trình.

e. Giải pháp Marketing

Công ty đã và đang thực hiện công tác nghiên cứu thị trường, xác định khách hàng mục tiêu, thị trường mục tiêu, đối thủ cạnh tranh, xác định thị phần, điểm mạnh, điểm yếu của công ty và các đối thủ cạnh tranh. Từ đó đưa ra các giải pháp thực hiện trước mắt và lâu dài.

Áp dụng các chính sách về kế hoạch tiếp thị, chính sách về giá hợp lý, linh hoạt, chất lượng cung ứng dịch vụ, phân khúc thị trường, bố trí nhân lực, phương tiện phù hợp (Giữa các đơn vị thành viên: Cái Cui, Hoàng Diệu, Vàm Cái Sắn, Trà Vinh, Kiên Giang).

Tăng cường các mối quan hệ với các đối tác, khách hàng, đại lý tàu, hãng tàu, các cơ quan ban ngành.

Thực hiện quảng bá thương hiệu của Cảng qua các phương tiện truyền thông, truyền hình. Tham gia các hội thảo chuyên ngành trong nước và quốc tế.

Ngoài ra, Công ty còn tham gia các công tác xã hội, hỗ trợ các đối tượng chính sách nhằm thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

f. Giải pháp về công nghệ

Thay thế dần các thiết bị cũ, đã và đang xuống cấp. Đầu tư, trang thiết bị hiện đại đổi mới công nghệ để tăng năng suất kinh doanh.

Nghiên cứu đầu tư các trang thiết bị và các giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm tối đa tiêu hao năng lượng tại các kho hàng, văn phòng, nhất là nhiên liệu trong quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới bốc xếp.

Đầu tư hệ thống bốc xếp hiện đại như băng truyền, hệ thống hút hàng từ hầm tàu để nâng cao năng suất bốc xếp hàng hóa: hàng bao và hàng rời.

Kêu gọi đầu tư, trang bị hệ thống soi chiếu hàng hóa tiên tiến đáp ứng yêu cầu kiểm soát an ninh hàng hóa xuất nhập khẩu tại cảng trước khi vận chuyển ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào trong nước.

Áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, tiện ích, thân thiện với môi trường và an toàn với người lao động tại các kho hàng của cảng nhằm cung cấp dịch vụ lưu trữ, bảo quản, chuyển tải, phân phối hàng hóa tốt nhất cho doanh nghiệp.

Xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và liên hệ qua mạng điện tử). Khai thác triệt để mạng internet, sử dụng email để liên lạc, giao tiếp giữa các phòng ban, chi nhánh, nâng cao năng lực quản trị điều hành của Công ty.

Tuyển dụng nhân sự giỏi về lĩnh vực công nghệ thông tin để tái cấu trúc trang web hiện hữu, ứng dụng thương mại điện tử vào kinh doanh.

8. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

❖ *Vốn điều lệ*

- Vốn điều lệ: 284.800.000.000 đồng .
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần.
- Số lượng cổ phần: 28.480.000 cổ phần.

❖ *Cơ cấu cổ đông*

| Stt | Cổ đông | Số cổ phần nắm giữ (cổ phần) | | Tỷ lệ vốn góp (%) |
|-----|--|---------------------------------|------------------------|----------------------|
| | | Số cổ phần | Giá trị (VND) | |
| 1 | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) | 14.524.800 | 145.248.000.000 | 51,00 |
| 2 | Người lao động của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ mua | 314.700 | 3.147.000.000 | 1,10 |
| 2.1 | Được mua ưu đãi | 237.600 | 2.376.000.000 | 0,83 |
| 2.2 | Đăng ký mua thêm | 77.100 | 771.000.000 | 0,27 |
| 3 | Các cổ đông khác | 13.640.500 | 136.405.000.000 | 47,90 |
| | Tổng cộng | 28.480.000 | 284.800.000.000 | 100 |

Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

❖ **Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần:**

Trong giai đoạn 2015 – 2018, Công ty dự kiến không tăng vốn điều lệ. Công ty sẽ xây dựng kế hoạch huy động vốn cụ thể, linh hoạt theo từng kỳ kinh doanh của Công ty về sau.

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

❖ **Đối với người lao động**

Cổ phần bán cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 09/10/2014).

- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký mua: 314.700 cổ phần, chiếm 1,10% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Mua ưu đãi theo số năm công tác: 237.600 cổ phần, chiếm 0,83% vốn điều lệ. Giá chào bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá bán cổ phần ra công chúng
 - + Mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty: 77.100 cổ phần, chiếm 0,27% vốn điều lệ. Giá chào bán: giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá cổ phần ra công chúng.

❖ **Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

- Phương thức bán: trường hợp có 2 nhà đầu tư chiến lược trở lên và số cổ phần đăng ký mua lớn hơn số cổ phần có quyền bán cho nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán cổ phần được thực hiện qua đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược.
- Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Căn cứ điểm đ, khoản 3, điều 6, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ, giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện theo nguyên tắc:
 - Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.
 - Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc là giá đấu thành công (đối với trường hợp đấu giá) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.
- Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ lựa chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Cảng Cần Thơ khi cổ phần hóa là nhà đầu tư trong nước có uy tín, có năng lực tài chính, có cam kết gắn bó lợi lâu dài với Công ty, có khả năng hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị, chuyển giao công nghệ,...

- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược: Căn cứ theo Nghị quyết số 3218/NQ-HHVN ngày 12/9/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ bao gồm như sau:
 - Là nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực: Quản lý, kinh doanh và khai thác cảng biển, tàu biển; Kinh doanh dịch vụ Logistics; Kinh doanh vận tải; Tổ chức tài chính, ngân hàng; Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ; Kinh doanh xuất nhập khẩu nông lâm thủy hải sản...; Khách hàng có hàng hóa xuất nhập khẩu qua Cảng Cần Thơ.
 - Có năng lực tài chính thể hiện ở các tiêu chí sau:
 - Có tổng tài sản tối thiểu 50 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2013.
 - Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 30 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2013.
 - Chứng minh đủ nguồn vốn góp.
 - Sản xuất kinh doanh có lợi nhuận sau thuế dương trong 03 năm liên tiếp trước năm đăng ký tham gia nhà đầu tư chiến lược.
 - Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với công ty cổ phần, hỗ trợ công ty cổ phần trong một số lĩnh vực: Chuyển giao những công nghệ mới; Quản lý, đào tạo nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực tài chính; Quản trị doanh nghiệp; Cung ứng nguyên vật liệu; Phát triển thị trường khai thác cảng...
 - Không chuyên nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
 - Không thực hiện các giao dịch nào với công ty cổ phần dẫn đến xung đột lợi ích và tạo ra sự độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, nhà đầu tư khác của công ty cổ phần.
- Số lượng Nhà đầu tư chiến lược tối đa: 03 Nhà đầu tư.

Hồ sơ đăng ký:

- Văn bản đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược trong đó nêu rõ số cổ phần đăng ký mua.
- Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh.
- Bản thông tin giới thiệu kinh nghiệm, năng lực của nhà đầu tư.
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011, 2012, 2013.

Kết quả tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược: Đến hết ngày 02/10/2014, Cảng Cần Thơ nhận được văn bản của 04 công ty đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần khi

cổ phần hóa Cảng Cần Thơ. Sau quá trình đàm phán, do tỷ lệ phần trăm vốn điều lệ bán cho nhà đầu tư chiến lược tại thời điểm cổ phần hóa Cảng Cần Thơ bị chi phối điều chỉnh bởi Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015 và Công văn số 2342/TTg-ĐMDN ngày 24/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015 nên không đáp ứng được mong muốn, nhu cầu của các nhà đầu tư (khẳng định chỉ tham gia làm nhà đầu tư chiến lược trong trường hợp phần vốn nhà nước nắm giữ không quá 49% vốn điều lệ và nhà đầu tư tham gia với tỷ lệ 51% vốn điều lệ). **Do đó, Cảng Cần Thơ không có cổ đông chiến lược.**

❖ **Đối với cổ phần thực hiện đấu giá công khai**

- Cổ phần bán đấu giá: 13.640.500 cổ phần (tương đương với 47,90% Vốn điều lệ)
- Giá khởi điểm: 10.100 đồng/cổ phần.

Trình tự thủ tục và các quy định cụ thể về tham dự đấu giá được quy định chi tiết tại “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ” do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai: phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định cụ thể trong “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ” do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành
- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên: do Ban Chỉ đạo cổ phần hoá quy định.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ

| TT | Khoản mục chi phí | Giá trị (đồng) |
|-----|--|-----------------|
| 1 | Vốn điều lệ Công ty cổ phần | 284.800.000.000 |
| 2 | Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại | 284.813.128.155 |
| 3 | Vốn nhà nước tham gia vào Công ty cổ phần | 145.248.000.000 |
| 4 | Vốn nhà nước bán ra bên ngoài | 136.405.000.000 |
| 5 | Tiền thu từ cổ phần hóa (dự kiến) | 139.987.616.000 |
| 5.1 | Thu từ bán cổ phần cho người lao động | 1.439.856.000 |
| 5.2 | Thu từ bán cổ phần cho người lao động đăng ký mua thêm | 778.710.000 |
| 5.3 | Thu từ bán cổ phần ra bên ngoài thông qua đấu giá | 137.769.050.000 |

| TT | Khoản mục chi phí | Giá trị (đồng) |
|----|--|-----------------|
| 6 | Giá trị cổ phần theo mệnh giá bán cho người lao động, bán đấu giá ra bên ngoài | 139.552.000.000 |
| 7 | Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm (5) = (1) - (2) | (13.128.155) |
| 8 | Chi phí cổ phần hóa | 1.105.500.000 |
| 9 | Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư | 205.695.950 |
| 10 | Thặng dư vốn chuyển về nhà nước (10) = (5) - (7) - (8) - (9) | 138.689.548.205 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

IX. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Rủi ro về nền kinh tế

Việt Nam là nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2002-2007 duy trì ở mức 7,9%/năm. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến 2012, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã gây ra những tác động không nhỏ đến kinh tế Việt Nam.

Nhờ sự kiên quyết trong chỉ đạo và điều hành của Chính phủ, cùng với việc ban hành các chính sách tập trung vào việc ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng bền vững, từ năm 2013, kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, GDP năm 2013 tăng hơn 5,42%, cải thiện tích cực so với mức tăng 5,25% của năm 2012.

Bước sang năm 2014, kinh tế vĩ mô tiếp tục cho thấy nhiều tín hiệu phục hồi. Tổng cục thống kê, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu 10 tháng 2014 lần lượt đạt 123.1 tỷ và 121.2 tỷ USD, tăng tương ứng 13,4% và 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2014 tăng 2,36% so với tháng 12/2013 (bình quân mỗi tháng tăng 0,24%) và tăng 3,23% so với cùng kỳ 2013. Số liệu cũng cho thấy trong 10 tháng năm 2014, vận tải hàng hóa ước tính đạt 877.8 triệu tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước.

Dự báo trong năm 2014, tăng trưởng GDP sẽ ở mức 5,8%, tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng này vẫn còn chậm so với mục tiêu đề ra.

Mặc dù nền kinh tế đang dần thoát ra khỏi giai đoạn suy thoái, nhưng nhìn chung những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm gần đây vẫn còn để lại nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa và vận tải, nhóm đối tượng có quan hệ gắn liền với hoạt động kinh doanh cốt lõi của Cảng. Để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Cảng Cần Thơ phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

2. **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất xảy ra khi trong quá trình hoạt động, Công ty có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

3. **Rủi ro về luật pháp**

Sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, mô hình tổ chức, hoạt động kinh doanh của Cảng Cần Thơ sẽ chịu sự điều chỉnh chủ yếu của các văn bản pháp luật liên quan đến công ty cổ phần, luật chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty. Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, hệ thống pháp lý đang dần được hoàn thiện. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên những khó khăn nhất định cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, các chính sách sẽ được thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế, điều này cũng sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. **Rủi ro đặc thù**

❖ ***Rủi ro hoạt động***

Hoạt động của Cảng Cần Thơ gắn liền với các hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong nước và khu vực và hoạt động của các hãng tàu mà Công ty có quan hệ đối tác. Do đó biến động trong kinh doanh của các khách hàng lớn, thường xuyên nói riêng và biến động của thị trường Hàng hải thế giới nói chung sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Cảng Cần Thơ.

Bên cạnh đó, theo xu hướng toàn cầu hóa, Việt Nam tham gia ngày càng nhiều vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, điều này tạo tuy giúp số lượng hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu sẽ tăng lên nhưng cũng tạo ra nhiều sự cạnh tranh cho mảng Logistics, giao nhận hàng hóa mà Công ty đang tổ chức triển khai.

❖ ***Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào***

Công tác bốc dỡ, nâng hạ của Công ty dựa vào các máy móc thiết bị cơ giới, để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên nhiên vật liệu hiện nay Công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như nhựa đường, xi măng, sắt thép, vật liệu nổ, giá xăng dầu, ... đều có xu hướng ngày càng tăng do đó tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ *Rủi ro về mặt kỹ thuật*

Rủi ro về mặt kỹ thuật của Công ty là không nhiều do sự thay đổi về mặt công nghệ trong lĩnh vực khai thác cảng là không quá nhanh. Tuy nhiên, do chi phí đầu tư vào các thiết bị máy móc phục vụ công tác bốc dỡ, nâng hạ hàng hóa thường lớn đòi hỏi Công ty phải có sự tính toán phù hợp, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động đầu tư và sử dụng.

5. *Rủi ro của đợt chào bán*

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu mà mỗi quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ chào bán cổ phần ra công chúng trong thời điểm thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều biến động, vì vậy có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán đầu giá.

6. *Các rủi ro khác*

Nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, khoản phát sinh chênh lệch giảm giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (đối với Công ty là ngày 31/12/2012) thì xử lý như sau:

a. Nếu do nguyên nhân khách quan:

Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai; địch họa; do Nhà nước thay đổi chính sách hoặc do biến động của thị trường quốc tế và các nguyên nhân bất khả kháng khác) doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần.

b. Nếu do nguyên nhân chủ quan:

Nếu lỗi do việc không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp thì phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: doanh nghiệp, tổ chức tư vấn định giá và cơ quan quyết định cổ phần hóa để xử lý bồi thường vật chất;

Nếu lỗi do điều hành sản xuất, kinh doanh thì các cán bộ quản lý doanh nghiệp đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành;

Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan theo quy định tại mục a nói trên.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

X. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2014

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN ĐÌNH THANH

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CẦN THƠ
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CN.TPHCM - CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

PHAN THÀNH TIẾN

PHẠM THỊ THANH NHÀN